

**DANH SÁCH THÍ SINH THI CẤP MỚİ KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU**  
**KỲ THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN ĐỢT 1 NĂM 2026**

(Đính kèm theo Quyết định số /QĐ-SXD-HĐT ngày tháng 5 năm 2026)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
1	HCM.26.1.CM0004	Huỳnh Phước Ái	10/10/1978	Vĩnh Long	00	00	Không đạt	Vắng thi
2	HCM.26.1.CM0014	Bùi Bình An	23/11/1983	Hà Nội	00	00	Không đạt	Vắng thi
3	HCM.26.1.CM0041	Nguyễn Thị Trường An	26/11/1988	Tây Ninh	78	68	Không đạt	
4	HCM.26.1.CM0049	Nguyễn Thị Vân Anh	19/03/1990	Hải Phòng	75	65	Không đạt	
5	HCM.26.1.CM0061	Nguyễn Thị Duyên Anh	13/04/2001	Tây Ninh	80	58	Không đạt	
6	HCM.26.1.CM0071	Võ Hồng Anh	27/09/2002	Lâm Đồng	83	60	Không đạt	
7	HCM.26.1.CM0077	Chương Tú Anh	21/08/1994	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
8	HCM.26.1.CM0079	Đình Hoài Anh	28/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
9	HCM.26.1.CM0084	Dương Thị Quỳnh Anh	20/04/1984	Đồng Nai	73	68	Không đạt	
10	HCM.26.1.CM0088	Hoàng Anh	02/12/1994	Quảng Ngãi	85	65	Không đạt	
11	HCM.26.1.CM0097	Nguyễn Đình Bảo Anh	21/10/2004	TP. Hồ Chí Minh	75	68	Không đạt	
12	HCM.26.1.CM0109	Nguyễn Phương Anh	30/01/2005	Thanh Hóa	85	65	Không đạt	
13	HCM.26.1.CM0114	Nguyễn Thị Kim Anh	23/06/1991	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
14	HCM.26.1.CM0115	Nguyễn Thị Lan Anh	15/06/1995	Quảng Trị	75	68	Không đạt	
15	HCM.26.1.CM0117	Nguyễn Thị Trâm Anh	29/08/1996	Ninh Bình	93	63	Không đạt	
16	HCM.26.1.CM0142	Vũ Hoàng Anh	07/03/1993	Lâm Đồng	00	00	Không đạt	Vắng thi
17	HCM.26.1.CM0145	Vũ Thị Ngọc Anh	16/05/1997	Tây Ninh	80	58	Không đạt	
18	HCM.26.1.CM0160	Nguyễn Nam Anh	03/04/1995	TP. Hồ Chí Minh	85	63	Không đạt	
19	HCM.26.1.CM0162	Nguyễn Thị Kim Anh	02/05/1991	Tây Ninh	73	68	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
20	HCM.26.1.CM0163	Nguyễn Thị Ngọc Anh	28/07/1998	Bắc Ninh	90	68	Không đạt	
21	HCM.26.1.CM0172	Phạm Mỹ Anh	25/06/1985	An Giang	75	63	Không đạt	
22	HCM.26.1.CM0175	Trần Đình Tuấn Anh	25/12/1989	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
23	HCM.26.1.CM0186	Đỗ Tuấn Anh	12/03/1995	TP. Hồ Chí Minh	68	68	Không đạt	
24	HCM.26.1.CM0191	Trần Thị Nhật Ánh	27/09/1994	Huế	75	68	Không đạt	
25	HCM.26.1.CM0192	Lê Ngọc Ánh	19/05/1995	Hà Tĩnh	00	00	Không đạt	Vắng thi
26	HCM.26.1.CM0203	Narumon Trần Attasumpun	16/03/2007	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
27	HCM.26.1.CM0205	Nguyễn Thị Thiên Ân	01/11/1998	TP. Hồ Chí Minh	78	60	Không đạt	
28	HCM.26.1.CM0211	Nguyễn Phước Ân	06/08/2004	Tây Ninh	00	00	Không đạt	Vắng thi
29	HCM.26.1.CM0218	Nguyễn Thị Thuý Ân	22/06/2004	Đồng Nai	90	50	Không đạt	
30	HCM.26.1.CM0228	Võ Văn Bản	21/04/1982	Nghệ An	00	65	Không đạt	
31	HCM.26.1.CM0231	Phan Quốc Bảo	14/06/2003	Gia Lai	00	00	Không đạt	Vắng thi
32	HCM.26.1.CM0239	Lê Chí Bảo	14/03/2004	Gia Lai	00	00	Không đạt	Vắng thi
33	HCM.26.1.CM0244	Trần Lê Bảo	08/12/1991	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
34	HCM.26.1.CM0245	Trần Ngọc Quốc Bảo	14/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
35	HCM.26.1.CM0250	Lương Gia Bảo	31/05/2002	TP. Hồ Chí Minh	80	68	Không đạt	
36	HCM.26.1.CM0253	Trần Quốc Bảo	08/08/1997	An Giang	83	65	Không đạt	
37	HCM.26.1.CM0256	Hồ Hoài Bảo	24/02/1998	Đà Nẵng	85	68	Không đạt	
38	HCM.26.1.CM0278	Châu Ngọc Bích	27/01/1989	Cà Mau	75	68	Không đạt	
39	HCM.26.1.CM0279	Huỳnh Kim Biên	04/11/1986	Lâm Đồng	00	00	Không đạt	Vắng thi
40	HCM.26.1.CM0285	Phạm Hữu Bình	06/09/2003	An Giang	00	00	Không đạt	Vắng thi
41	HCM.26.1.CM0304	Thân Trọng Bình	15/02/1979	Quảng Trị	40	43	Không đạt	
42	HCM.26.1.CM0312	Nguyễn Thanh Bình	10/08/2000	Gia Lai	78	63	Không đạt	
43	HCM.26.1.CM0313	Nguyễn Văn Bình	28/05/2000	Gia Lai	80	63	Không đạt	
44	HCM.26.1.CM0329	Võ Minh Cảnh	07/11/1992	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
45	HCM.26.1.CM0333	Bùi Thị Thuý Cẩm	26/08/2003	An Giang	00	00	Không đạt	Vắng thi
46	HCM.26.1.CM0347	Phạm Quang Chánh	03/10/1981	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
47	HCM.26.1.CM0372	Lương Thị Kim Chi	22/06/1985	Đồng Nai	73	65	Không đạt	
48	HCM.26.1.CM0380	Nguyễn Thị Bích Chi	04/12/1991	Đắk Lắk	78	65	Không đạt	
49	HCM.26.1.CM0398	Lương Thành Chiêu	14/01/1987	TP. Hồ Chí Minh	93	65	Không đạt	
50	HCM.26.1.CM0400	Nguyễn Thị Chiêu	03/12/1986	Ninh Bình	75	63	Không đạt	
51	HCM.26.1.CM0402	Nguyễn Thị Kiều Chinh	22/09/1983	Vĩnh Long	90	63	Không đạt	
52	HCM.26.1.CM0407	Tô Công Chính	06/08/1996	Khánh Hòa	75	68	Không đạt	
53	HCM.26.1.CM0409	Nguyễn Đức Chính	06/04/1999	Quảng Ngãi	00	00	Không đạt	Vắng thi
54	HCM.26.1.CM0422	Hoàng Văn Chuyên	10/09/1990	Hà Tĩnh	75	63	Không đạt	
55	HCM.26.1.CM0433	Hồ Văn Chương	25/11/1984	Tây Ninh	75	68	Không đạt	
56	HCM.26.1.CM0434	Trần Phương Chương	24/02/1988	Nghệ An	00	00	Không đạt	Vắng thi
57	HCM.26.1.CM0436	Đoàn Thế Công	16/01/1986	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
58	HCM.26.1.CM0475	Nguyễn Văn Cường	01/08/1988	Hưng Yên	78	65	Không đạt	
59	HCM.26.1.CM0477	Trần Cao Cường	25/06/1979	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
60	HCM.26.1.CM0478	Trần Quốc Cường	08/05/1994	Vĩnh Long	90	68	Không đạt	
61	HCM.26.1.CM0501	Nguyễn Công Danh	05/10/2004	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
62	HCM.26.1.CM0503	Võ Thanh Danh	12/06/1992	Lâm Đồng	00	00	Không đạt	Vắng thi
63	HCM.26.1.CM0504	Dương Huỳnh Thành Danh	04/07/2006	TP. Hồ Chí Minh	88	58	Không đạt	
64	HCM.26.1.CM0507	Phạm Sơn Danh	13/05/1997	TP. Hồ Chí Minh	75	65	Không đạt	
65	HCM.26.1.CM0508	Trần Công Danh	17/05/2003	Cần Thơ	00	00	Không đạt	Vắng thi
66	HCM.26.1.CM0509	Lê Thành Danh	08/03/2000	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
67	HCM.26.1.CM0514	Dương Ngọc Dân	26/09/1999	Lâm Đồng	65	58	Không đạt	
68	HCM.26.1.CM0521	Lương Thị Diễm	08/05/1993	Gia Lai	83	55	Không đạt	
69	HCM.26.1.CM0532	Nguyễn Thị Kiều Diễm	09/03/2001	Quảng Ngãi	00	00	Không đạt	Vắng thi

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
70	HCM.26.1.CM0543	Đinh Khánh Diệu	20/03/1990	Huế	73	63	Không đạt	
71	HCM.26.1.CM0547	Phạm Thanh Diệu	13/10/1986	Vĩnh Long	78	68	Không đạt	
72	HCM.26.1.CM0548	Trần Thị Thanh Diệu	01/12/1985	Đắk Lắk	68	58	Không đạt	
73	HCM.26.1.CM0549	Vũ Thị Diệu	26/06/1991	Thanh Hóa	73	68	Không đạt	
74	HCM.26.1.CM0554	Bùi Thị Du	19/01/1981	An Giang	00	00	Không đạt	Vắng thi
75	HCM.26.1.CM0558	Nguyễn Nguyên Du	18/08/2003	Lâm Đồng	78	65	Không đạt	
76	HCM.26.1.CM0562	Đinh Văn Duẩn	05/03/1997	Đắk Lắk	00	00	Không đạt	Vắng thi
77	HCM.26.1.CM0565	Đỗ Thị Dung	10/10/1990	Đắk Lắk	78	65	Không đạt	
78	HCM.26.1.CM0570	Nguyễn Thị Dung	10/10/1993	Thanh Hóa	80	60	Không đạt	
79	HCM.26.1.CM0574	Đặng Thị Phương Dung	12/08/1985	Vĩnh Long	68	68	Không đạt	
80	HCM.26.1.CM0578	Kiều Thị Thanh Dung	04/10/1986	An Giang	00	00	Không đạt	Vắng thi
81	HCM.26.1.CM0579	Lê Mỹ Dung	18/11/1999	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
82	HCM.26.1.CM0583	Lê Thị Kim Dung	26/07/1987	Đồng Nai	85	68	Không đạt	
83	HCM.26.1.CM0585	Nguyễn Thị Dung	15/06/1992	Đắk Lắk	90	65	Không đạt	
84	HCM.26.1.CM0588	Nguyễn Thị Mỹ Dung	23/09/1984	TP. Hồ Chí Minh	78	63	Không đạt	
85	HCM.26.1.CM0597	Lò Thị Dung	10/10/2001	Đắk Lắk	00	00	Không đạt	Vắng thi
86	HCM.26.1.CM0599	Nguyễn Hoàng Dung	16/06/1993	TP. Hồ Chí Minh	68	65	Không đạt	
87	HCM.26.1.CM0603	Phạm Thị Thuỳ Dung	04/03/1990	Quảng Ngãi	75	68	Không đạt	
88	HCM.26.1.CM0604	Phạm Thị Thùy Dung	30/04/2000	Đắk Lắk	88	68	Không đạt	
89	HCM.26.1.CM0606	Phan Thuỳ Dung	21/12/1992	Hà Tĩnh	00	00	Không đạt	Vắng thi
90	HCM.26.1.CM0612	Mai Văn Dũng	04/10/1987	Thanh Hóa	78	63	Không đạt	
91	HCM.26.1.CM0617	Bùi Tiến Dũng	28/07/1987	Đồng Nai	78	55	Không đạt	
92	HCM.26.1.CM0623	Nguyễn Duy Dũng	22/07/1979	Hà Nội	85	60	Không đạt	
93	HCM.26.1.CM0625	Nguyễn Ngọc Dũng	25/06/1990	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
94	HCM.26.1.CM0631	Phạm Thị Dũng	01/01/1986	Đà Nẵng	63	50	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
95	HCM.26.1.CM0632	Trần Minh Dũng	10/03/1994	Lâm Đồng	75	68	Không đạt	
96	HCM.26.1.CM0638	Đình Lê Dũng	15/03/1990	Bắc Ninh	78	68	Không đạt	
97	HCM.26.1.CM0640	Lâm Thành Dũng	09/03/1989	Quảng Ngãi	65	58	Không đạt	
98	HCM.26.1.CM0648	Trần Quốc Dũng	17/04/1990	Đắk Lắk	73	63	Không đạt	
99	HCM.26.1.CM0649	Vũ Việt Dũng	26/01/1993	Đồng Nai	90	68	Không đạt	
100	HCM.26.1.CM0651	Trần Huỳnh Khánh Duy	01/03/1984	Vĩnh Long	00	00	Không đạt	Vắng thi
101	HCM.26.1.CM0652	Đỗ Văn Duy	06/07/1981	Ninh Bình	00	00	Không đạt	Vắng thi
102	HCM.26.1.CM0654	Huỳnh Trường Duy	15/06/1997	Tây Ninh	93	60	Không đạt	
103	HCM.26.1.CM0658	Nguyễn Văn Duy	24/01/1997	Vĩnh Long	83	68	Không đạt	
104	HCM.26.1.CM0659	Trần Hồng Duy	01/03/1996	Đà Nẵng	00	00	Không đạt	Vắng thi
105	HCM.26.1.CM0661	Văn Minh Duy	29/08/1996	Tây Ninh	75	65	Không đạt	
106	HCM.26.1.CM0662	Võ Phương Duy	08/07/1991	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
107	HCM.26.1.CM0664	Bùi Thành Duy	27/10/1996	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
108	HCM.26.1.CM0677	Phạm Văn Duy	19/07/1988	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
109	HCM.26.1.CM0688	Vương Lâm Duy	16/09/1992	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
110	HCM.26.1.CM0694	Nguyễn Văn Duy	02/09/2000	Đắk Lắk	00	00	Không đạt	Vắng thi
111	HCM.26.1.CM0697	Trần Ngọc Duy	18/01/1989	Đồng Nai	75	68	Không đạt	
112	HCM.26.1.CM0708	NGUYỄN KIM DUYÊN	12/07/2002	An Giang	00	00	Không đạt	Vắng thi
113	HCM.26.1.CM0709	Nguyễn Lê Mỹ Duyên	03/08/2005	TP. Hồ Chí Minh	90	65	Không đạt	
114	HCM.26.1.CM0718	Nguyễn Thị Duyên	18/08/1990	Lâm Đồng	83	65	Không đạt	
115	HCM.26.1.CM0724	Bùi Ngọc Dục	01/08/1981	Hưng Yên	00	00	Không đạt	Vắng thi
116	HCM.26.1.CM0728	Nguyễn Minh Dương	23/12/1993	Gia Lai	00	00	Không đạt	Vắng thi
117	HCM.26.1.CM0739	Nguyễn Quốc Bình Dương	07/02/2007	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
118	HCM.26.1.CM0741	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	23/12/1996	Đồng Nai	73	68	Không đạt	
119	HCM.26.1.CM0745	Phùng Thái Dương	12/04/1994	Cần Thơ	68	75	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
120	HCM.26.1.CM0749	Vũ Thị Quỳnh Dương	27/04/1982	Tây Ninh	80	63	Không đạt	
121	HCM.26.1.CM0762	Phạm Phan Minh Dương	09/04/1998	TP. Hồ Chí Minh	78	65	Không đạt	
122	HCM.26.1.CM0781	Vũ Quốc Đại	10/05/1991	Đồng Nai	90	68	Không đạt	
123	HCM.26.1.CM0790	Trần Thị Tuyết Đàng	23/07/2004	Cần Thơ	00	00	Không đạt	Vắng thi
124	HCM.26.1.CM0793	Trần Văn Đành	06/06/1970	Tây Ninh	63	38	Không đạt	
125	HCM.26.1.CM0797	Nguyễn Thị Kim Đào	15/02/2003	Tây Ninh	70	63	Không đạt	
126	HCM.26.1.CM0808	Mai Thành Đạt	28/05/2004	TP. Hồ Chí Minh	85	68	Không đạt	
127	HCM.26.1.CM0814	Hoàng Văn Đạt	20/06/1992	Thanh Hóa	65	63	Không đạt	
128	HCM.26.1.CM0816	Huỳnh Quang Đạt	09/06/1995	Vĩnh Long	83	63	Không đạt	
129	HCM.26.1.CM0832	Nguyễn Triệu Đạt	28/08/1997	Ninh Bình	85	68	Không đạt	
130	HCM.26.1.CM0850	Ngô Anh Đạt	23/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	85	63	Không đạt	
131	HCM.26.1.CM0854	Nguyễn Văn Đạt	29/11/2003	Cà Mau	63	58	Không đạt	
132	HCM.26.1.CM0860	Đỗ Thị Đăm	13/02/1987	Ninh Bình	68	65	Không đạt	
133	HCM.26.1.CM0863	Lê Hữu Đấng	02/02/1987	Hà Tĩnh	00	00	Không đạt	Vắng thi
134	HCM.26.1.CM0869	Đỗ Công Đặng	01/12/1992	Ninh Bình	80	65	Không đạt	
135	HCM.26.1.CM0871	Lê Xuân Đề	18/09/1988	Đắk Lắk	83	68	Không đạt	
136	HCM.26.1.CM0875	Hà Thanh Duy Điền	01/02/2002	Tây Ninh	83	60	Không đạt	
137	HCM.26.1.CM0877	Hà Văn Điện	27/10/1997	Gia Lai	00	00	Không đạt	Vắng thi
138	HCM.26.1.CM0883	Trương Hoàng Điệp	20/01/1979	An Giang	83	58	Không đạt	
139	HCM.26.1.CM0894	Trần Thị Tâm Đoan	30/09/2003	Vĩnh Long	00	00	Không đạt	Vắng thi
140	HCM.26.1.CM0901	Đào Ngọc Đô	25/05/1999	Ninh Bình	75	65	Không đạt	
141	HCM.26.1.CM0902	Lê Anh Đỗ	28/06/1963	TP. Hồ Chí Minh	80	68	Không đạt	
142	HCM.26.1.CM0922	Đặng Minh Đức	12/07/2003	TP. Hồ Chí Minh	80	68	Không đạt	
143	HCM.26.1.CM0924	Lâm Văn Đức	21/08/2002	TP. Hồ Chí Minh	68	68	Không đạt	
144	HCM.26.1.CM0941	Nguyễn Minh Đức	01/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	73	68	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
145	HCM.26.1.CM0951	Đông Thị Đức	15/01/1980	Bắc Ninh	63	65	Không đạt	
146	HCM.26.1.CM0958	Nguyễn Minh Đức	02/06/1987	TP. Hồ Chí Minh	68	60	Không đạt	
147	HCM.26.1.CM0968	Đình Hùng Em	05/09/1990	Cà Mau	85	68	Không đạt	
148	HCM.26.1.CM0969	Nguyễn Thị Loan Em	11/02/1986	An Giang	00	00	Không đạt	Vắng thi
149	HCM.26.1.CM0973	Hong Ji Eon	30/05/1970	Hàn Quốc	80	68	Không đạt	
150	HCM.26.1.CM0977	Nguyễn Văn Giai	19/02/1964	Đà Nẵng	75	55	Không đạt	
151	HCM.26.1.CM0986	Nguyễn Trường Giang	09/10/2004	Đồng Tháp	88	55	Không đạt	
152	HCM.26.1.CM0988	Đình Kiều Hương Giang	20/06/2002	Quảng Ngãi	00	00	Không đạt	Vắng thi
153	HCM.26.1.CM0992	Lê Thị Thu Giang	11/11/1980	Tuyên Quang	70	53	Không đạt	
154	HCM.26.1.CM1001	Nguyễn Xuân Giang	05/10/1992	An Giang	88	60	Không đạt	
155	HCM.26.1.CM1016	Vũ Lê Giang	02/01/1991	Gia Lai	80	68	Không đạt	
156	HCM.26.1.CM1017	Nguyễn Duy Giảng	17/03/1981	Phú Thọ	00	00	Không đạt	Vắng thi
157	HCM.26.1.CM1018	Bùi Ngọc Quỳnh Giao	20/01/2003	Đắk Lắk	00	00	Không đạt	Vắng thi
158	HCM.26.1.CM1023	Phạm Nguyễn Trường Giao	15/11/1998	Lâm Đồng	70	68	Không đạt	
159	HCM.26.1.CM1024	Lê Văn Giáp	20/07/1990	Hà Tĩnh	00	00	Không đạt	Vắng thi
160	HCM.26.1.CM1031	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	09/03/1986	Bình Dương	80	63	Không đạt	
161	HCM.26.1.CM1033	Trần Thị Ngọc Giàu	26/06/2003	Lâm Đồng	63	53	Không đạt	
162	HCM.26.1.CM1042	Lê Thị Cẩm Hà	08/03/2001	Khánh Hòa	90	55	Không đạt	
163	HCM.26.1.CM1048	Nguyễn Thị Thu Hà	01/04/1975	Hà Nội	80	65	Không đạt	
164	HCM.26.1.CM1060	Nguyễn Thị Thuý Hà	17/07/1989	Hà Nội	85	65	Không đạt	
165	HCM.26.1.CM1081	Vương Thị Thanh Hà	26/06/1989	TP. Hồ Chí Minh	80	58	Không đạt	
166	HCM.26.1.CM1089	Trần Thanh Hải	06/11/1987	Quảng Trị	00	00	Không đạt	Vắng thi
167	HCM.26.1.CM1091	Đỗ Như Hải	25/03/1977	Hà Nội	83	65	Không đạt	
168	HCM.26.1.CM1094	Nguyễn Thanh Hải	02/05/1996	Quảng Trị	00	00	Không đạt	Vắng thi
169	HCM.26.1.CM1095	Nguyễn Văn Hải	29/07/1990	Ninh Bình	00	00	Không đạt	Vắng thi

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
170	HCM.26.1.CM1099	Đỗ Hồng Hải	29/08/1979	TP. Hồ Chí Minh	83	58	Không đạt	
171	HCM.26.1.CM1102	Huỳnh Minh Hải	22/07/1987	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
172	HCM.26.1.CM1106	Mai Hoàng Lê Thanh Hải	03/06/1990	Đồng Nai	55	55	Không đạt	
173	HCM.26.1.CM1107	Nguyễn Hoàng Hải	03/04/1981	Hà Nội	25	55	Không đạt	
174	HCM.26.1.CM1112	Nguyễn Thanh Hải	15/06/1980	Khánh Hòa	85	65	Không đạt	
175	HCM.26.1.CM1121	Trương Quang Hải	23/04/1992	Gia Lai	00	00	Không đạt	Vắng thi
176	HCM.26.1.CM1142	Nguyễn Thùy Ngọc Hạnh	01/07/2004	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
177	HCM.26.1.CM1143	Võ Mỹ Hạnh	03/06/1986	An Giang	00	00	Không đạt	Vắng thi
178	HCM.26.1.CM1157	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	12/06/1992	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
179	HCM.26.1.CM1166	Phan Anh Hào	28/08/2003	Đồng Tháp	00	55	Không đạt	
180	HCM.26.1.CM1168	Trần Tuấn Hào	20/03/2007	Lâm Đồng	00	00	Không đạt	Vắng thi
181	HCM.26.1.CM1180	Phan Hoàng Hào	30/01/1996	Đà Nẵng	85	65	Không đạt	
182	HCM.26.1.CM1183	Phạm Thị Hào	16/02/1990	Hung Yên	80	65	Không đạt	
183	HCM.26.1.CM1189	Phạm Thị Thu Hằng	12/12/1979	Hải Phòng	00	00	Không đạt	Vắng thi
184	HCM.26.1.CM1200	Nguyễn Thị Thu Hằng	12/12/1992	Đồng Nai	75	68	Không đạt	
185	HCM.26.1.CM1203	Trần Thị Thuý Hằng	03/03/1980	Vĩnh Long	00	00	Không đạt	Vắng thi
186	HCM.26.1.CM1204	Bùi Thị Thu Hằng	16/09/1990	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
187	HCM.26.1.CM1205	Chu Thuý Hằng	04/02/1999	Khánh Hòa	00	00	Không đạt	Vắng thi
188	HCM.26.1.CM1209	Lê Nguyễn Ngọc Hằng	20/08/1991	Cà Mau	00	00	Không đạt	Vắng thi
189	HCM.26.1.CM1217	Phạm Thị Hằng	01/02/1975	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
190	HCM.26.1.CM1221	Võ Thị Thu Hằng	15/05/1990	Đà Nẵng	00	00	Không đạt	Vắng thi
191	HCM.26.1.CM1223	Hồ Thị Hằng	11/04/1994	Hà Tĩnh	90	65	Không đạt	
192	HCM.26.1.CM1232	Lê Đặng Ngọc Hân	04/05/2004	An Giang	00	00	Không đạt	Vắng thi
193	HCM.26.1.CM1241	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	16/12/1976	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
194	HCM.26.1.CM1242	Nguyễn Ngọc Hân	23/01/2004	TP. Hồ Chí Minh	68	60	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
195	HCM.26.1.CM1243	Nguyễn Thị Ngọc Hân	25/09/1997	Vĩnh Long	00	00	Không đạt	Vắng thi
196	HCM.26.1.CM1264	Châu Hồng Hậu	01/08/1992	Đồng Tháp	98	68	Không đạt	
197	HCM.26.1.CM1266	Huỳnh Phúc Hậu	10/02/1996	An Giang	93	63	Không đạt	
198	HCM.26.1.CM1267	Ngô Khánh Hậu	24/11/1991	Đồng Tháp	95	63	Không đạt	
199	HCM.26.1.CM1270	Phạm Đình Hậu	05/08/1992	Thanh Hóa	80	68	Không đạt	
200	HCM.26.1.CM1276	Trương Vĩ Hiền	06/11/1982	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
201	HCM.26.1.CM1287	Nguyễn Thu Hiền	02/01/1986	Gia Lai	75	65	Không đạt	
202	HCM.26.1.CM1294	Đình Thị Hiền	06/08/1995	Nghệ An	73	68	Không đạt	
203	HCM.26.1.CM1295	Hồ Thị Thu Hiền	28/02/2000	Gia Lai	83	68	Không đạt	
204	HCM.26.1.CM1299	Lê Thị Thu Hiền	02/06/1988	Cà Mau	78	60	Không đạt	
205	HCM.26.1.CM1300	Lê Thị Thu Hiền	18/04/1977	Thanh Hóa	00	00	Không đạt	Vắng thi
206	HCM.26.1.CM1310	Phạm Ngọc Hiền	30/04/1990	An Giang	90	63	Không đạt	
207	HCM.26.1.CM1312	Trần Hoàng Hải Hiền	27/08/2000	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
208	HCM.26.1.CM1315	Trần Thị Tô Hiền	27/03/1994	QUẢNG TRỊ	73	65	Không đạt	
209	HCM.26.1.CM1318	Nguyễn Đức Hiền	20/10/1992	Đồng Nai	90	60	Không đạt	
210	HCM.26.1.CM1319	Nguyễn Thị Hiền	04/04/1991	Lâm Đồng	83	65	Không đạt	
211	HCM.26.1.CM1320	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/02/1985	Đồng Tháp	00	00	Không đạt	Vắng thi
212	HCM.26.1.CM1324	Phạm Thị Hiền	10/12/1995	Ninh Bình	00	00	Không đạt	Vắng thi
213	HCM.26.1.CM1328	Trần Thị Hiền	29/09/1991	Đắk Lắk	78	68	Không đạt	
214	HCM.26.1.CM1332	Văn Thị Hiền	09/05/1993	Thanh Hóa	83	63	Không đạt	
215	HCM.26.1.CM1333	Võ Thị Hiền	21/09/1983	Hà Tĩnh	00	00	Không đạt	Vắng thi
216	HCM.26.1.CM1335	Bùi Thị Mộng Hiền	20/10/1988	Vĩnh Long	00	00	Không đạt	Vắng thi
217	HCM.26.1.CM1339	Trần Văn Hiền	01/01/1994	Gia Lai	80	63	Không đạt	
218	HCM.26.1.CM1341	Cống Mạnh Hiền	09/04/1991	Đồng Nai	75	60	Không đạt	
219	HCM.26.1.CM1345	Bùi Mạnh Hiệp	12/06/1987	TP. Hồ Chí Minh	83	68	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
220	HCM.26.1.CM1351	Trần Thế Hiệp	20/09/1990	Gia Lai	88	65	Không đạt	
221	HCM.26.1.CM1364	Phạm Trung Hiếu	27/02/2001	Đắk Lắk	00	00	Không đạt	Vắng thi
222	HCM.26.1.CM1367	Vưu Thị Minh Hiếu	01/04/1984	Cà Mau	78	65	Không đạt	
223	HCM.26.1.CM1370	Đào Minh Hiếu	17/02/1989	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
224	HCM.26.1.CM1419	Diệp Màu Hín	22/08/1991	Đồng Nai	78	68	Không đạt	
225	HCM.26.1.CM1421	Nguyễn Thị Tuyết Hoa	05/04/1988	Đồng Tháp	83	58	Không đạt	
226	HCM.26.1.CM1424	Phan Thị Hồng Hoa	16/09/1991	Gia Lai	00	00	Không đạt	Vắng thi
227	HCM.26.1.CM1430	Nguyễn Văn Hoa	22/02/1984	Đà Nẵng	00	00	Không đạt	Vắng thi
228	HCM.26.1.CM1431	Phạm Hoàng Kim Hoa	01/01/2003	TP. Hồ Chí Minh	80	60	Không đạt	
229	HCM.26.1.CM1441	Cao Thị Hoa	14/06/1989	Bắc Ninh	00	00	Không đạt	Vắng thi
230	HCM.26.1.CM1459	Trần Truyền Hòa	16/02/1987	TP. Hồ Chí Minh	78	65	Không đạt	
231	HCM.26.1.CM1464	Lê Trọng Hòa	09/07/1973	Nghệ An	68	83	Không đạt	
232	HCM.26.1.CM1481	Lê Nguyễn Gia Hoan	06/04/2005	Đà Nẵng	00	00	Không đạt	Vắng thi
233	HCM.26.1.CM1486	Lê Nguyễn Khải Hoàn	24/09/1982	Đà Nẵng	73	68	Không đạt	
234	HCM.26.1.CM1487	Trần Ngọc Hoàn	06/01/1979	Ninh Bình	85	63	Không đạt	
235	HCM.26.1.CM1489	Hoàng Thị Hoàn	20/09/1986	Tuyên Quang	88	65	Không đạt	
236	HCM.26.1.CM1493	Trần Trương Huy Hoàng	10/10/1998	Khánh Hòa	00	00	Không đạt	Vắng thi
237	HCM.26.1.CM1496	Nguyễn Huy Hoàng	07/11/1990	Lâm Đồng	00	00	Không đạt	Vắng thi
238	HCM.26.1.CM1498	Trần Mạnh Hoàng	18/11/1985	Đồng Nai	75	63	Không đạt	
239	HCM.26.1.CM1499	Trịnh Minh Hoàng	01/07/1968	TP. Hồ Chí Minh	85	68	Không đạt	
240	HCM.26.1.CM1503	Đông Thị Đỗ Hoàng	23/08/1990	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
241	HCM.26.1.CM1504	Dương Tấn Hoàng	02/11/1984	Quảng Ngãi	90	68	Không đạt	
242	HCM.26.1.CM1506	Huỳnh Minh Hoàng	01/05/1988	Gia Lai	80	45	Không đạt	
243	HCM.26.1.CM1507	Lê Minh Hoàng	29/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
244	HCM.26.1.CM1517	Phạm Huy Hoàng	26/06/1993	Thanh Hóa	88	68	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
245	HCM.26.1.CM1522	Trần Minh Hoàng	29/11/1985	Đắk Lắk	00	00	Không đạt	Vắng thi
246	HCM.26.1.CM1533	Trương Văn Hoàng	23/08/1990	Thanh Hóa	83	68	Không đạt	
247	HCM.26.1.CM1534	Vưu Thị Minh Hoàng	10/04/1987	Cà Mau	90	48	Không đạt	
248	HCM.26.1.CM1540	Mai Văn Học	02/08/1985	Thanh Hóa	78	63	Không đạt	
249	HCM.26.1.CM1541	Nguyễn Lâm Hồ	10/10/2000	An Giang	00	00	Không đạt	Vắng thi
250	HCM.26.1.CM1546	Nguyễn Văn Hội	14/04/1983	Tây Ninh	73	63	Không đạt	
251	HCM.26.1.CM1547	Nguyễn Thị Lam Hồng	05/05/1980	Thanh Hóa	93	68	Không đạt	
252	HCM.26.1.CM1570	Hoàng Đình Hợp	05/09/1991	Thanh Hóa	75	65	Không đạt	
253	HCM.26.1.CM1588	Mai Thị Huệ	10/01/1988	Thanh Hóa	70	43	Không đạt	
254	HCM.26.1.CM1590	Đỗ Thị Huệ	09/09/1985	Thanh Hóa	63	48	Không đạt	
255	HCM.26.1.CM1593	Nguyễn Thị Huệ	08/03/1989	Hà Tĩnh	90	68	Không đạt	
256	HCM.26.1.CM1595	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	28/04/2003	Vĩnh Long	00	00	Không đạt	Vắng thi
257	HCM.26.1.CM1606	Lê Văn Hùng	20/08/2002	Khánh Hòa	93	65	Không đạt	
258	HCM.26.1.CM1607	Nguyễn Quốc Hùng	03/12/1981	TP. Hồ Chí Minh	50	73	Không đạt	
259	HCM.26.1.CM1608	Trần Ngọc Hùng	20/12/1983	Lâm Đồng	83	63	Không đạt	
260	HCM.26.1.CM1616	Nguyễn Công Hùng	25/07/1975	Bắc Ninh	65	65	Không đạt	
261	HCM.26.1.CM1629	Nguyễn Hữu Hùng	23/07/1988	Bắc Ninh	00	00	Không đạt	Vắng thi
262	HCM.26.1.CM1630	Nguyễn Phi Hùng	07/07/1994	Đắk Lắk	00	00	Không đạt	Vắng thi
263	HCM.26.1.CM1633	Nguyễn Gia Huy	27/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
264	HCM.26.1.CM1648	Đoàn Quang Huy	30/06/1995	Đà Nẵng	00	00	Không đạt	Vắng thi
265	HCM.26.1.CM1651	Lê Thanh Huy	18/04/1995	Đồng Tháp	83	65	Không đạt	
266	HCM.26.1.CM1669	Trần Gia Huy	01/04/2004	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
267	HCM.26.1.CM1697	Phạm Thị Phương Huyền	02/04/1989	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
268	HCM.26.1.CM1699	Bùi Thị Thanh Huyền	31/05/2006	Thanh Hóa	70	58	Không đạt	
269	HCM.26.1.CM1716	Nguyễn Thị Thu Huyền	10/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
270	HCM.26.1.CM1717	Nguyễn Thị Thu Huyền	24/09/1995	Tây Ninh	78	58	Không đạt	
271	HCM.26.1.CM1719	Phạm Thị Thanh Huyền	09/08/2002	Hung Yên	00	00	Không đạt	Vắng thi
272	HCM.26.1.CM1725	Hồ Ngọc Huyền	10/01/1996	Vĩnh Long	00	00	Không đạt	Vắng thi
273	HCM.26.1.CM1743	Nguyễn Thị Hưng	22/08/1985	Phú Thọ	90	68	Không đạt	
274	HCM.26.1.CM1749	Nguyễn Mạnh Hưng	23/03/1992	Quảng Ngãi	90	65	Không đạt	
275	HCM.26.1.CM1754	Phạm Nam Hưng	03/02/1995	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
276	HCM.26.1.CM1758	Vũ Văn Hưng	02/09/1992	Thanh Hóa	00	00	Không đạt	Vắng thi
277	HCM.26.1.CM1759	Hứa Như Hưng	09/05/2003	Hà Nội	90	68	Không đạt	
278	HCM.26.1.CM1762	Lê Quang Hưng	07/03/2005	Quảng Trị	78	68	Không đạt	
279	HCM.26.1.CM1765	Thái Văn Hưng	24/09/1989	Nghệ An	78	65	Không đạt	
280	HCM.26.1.CM1771	Thái Thị Kim Hương	19/09/1983	TP. Hồ Chí Minh	68	58	Không đạt	
281	HCM.26.1.CM1774	Trần Thị Thu Hương	09/09/1995	Đồng Tháp	00	00	Không đạt	Vắng thi
282	HCM.26.1.CM1788	Lê Thị Xuân Hương	05/05/2003	TP. Hồ Chí Minh	88	63	Không đạt	
283	HCM.26.1.CM1791	Nguyễn Thị Mỹ Hương	27/08/1988	Đồng Tháp	63	58	Không đạt	
284	HCM.26.1.CM1794	Nguyễn Thị Thanh Hương	28/01/1997	Huế	93	58	Không đạt	
285	HCM.26.1.CM1802	Trần Thị Hương	26/01/1988	Đồng Nai	83	68	Không đạt	
286	HCM.26.1.CM1804	Hoàng Thiên Hương	21/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
287	HCM.26.1.CM1811	Nguyễn Thị Lan Hương	06/01/1976	Hà Nội	88	63	Không đạt	
288	HCM.26.1.CM1812	Trần Thị Hương	09/03/1987	Nghệ An	83	63	Không đạt	
289	HCM.26.1.CM1814	Trần Thị Song Hương	22/10/2003	Đồng Tháp	85	55	Không đạt	
290	HCM.26.1.CM1822	Nguyễn Dương Hữu	16/01/1999	Hà Nội	75	63	Không đạt	
291	HCM.26.1.CM1823	Hoàng Văn Hữu	05/02/1982	Quảng Trị	85	68	Không đạt	
292	HCM.26.1.CM1846	Nguyễn Khải	01/01/1997	Quảng Ngãi	43	45	Không đạt	
293	HCM.26.1.CM1848	Thái Hoàng Khải	07/11/1977	Khánh Hòa	90	68	Không đạt	
294	HCM.26.1.CM1862	Phạm Công Khang	19/11/1987	Hung Yên	80	65	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
295	HCM.26.1.CM1874	Lê Thị Phương Khanh	17/08/1988	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
296	HCM.26.1.CM1882	Lê Thuỳ Mỹ Khanh	23/12/1983	TP. Hồ Chí Minh	73	68	Không đạt	
297	HCM.26.1.CM1912	Phạm Sơn Khiêm	04/06/2002	Cần Thơ	65	65	Không đạt	
298	HCM.26.1.CM1916	Lê Trọng Khiêm	24/09/1992	Khánh Hòa	00	00	Không đạt	Vắng thi
299	HCM.26.1.CM1920	Nguyễn Sơn Khoa	09/08/1998	An Giang	85	68	Không đạt	
300	HCM.26.1.CM1926	Châu Minh Khoa	07/04/1988	Vĩnh Long	00	00	Không đạt	Vắng thi
301	HCM.26.1.CM1934	Nguyễn Đăng Minh Khoa	28/10/2002	TP. Hồ Chí Minh	78	65	Không đạt	
302	HCM.26.1.CM1951	Trần Văn Khôi	17/05/2005	Hưng Yên	00	00	Không đạt	Vắng thi
303	HCM.26.1.CM1955	Nguyễn Hoàng Anh Khôi	10/12/1996	Khánh Hòa	75	60	Không đạt	
304	HCM.26.1.CM1969	Nguyễn Duy Khương	13/08/1984	Cần Thơ	00	00	Không đạt	Vắng thi
305	HCM.26.1.CM1974	Trần Văn Kiên	11/09/1989	Nghệ An	78	63	Không đạt	
306	HCM.26.1.CM1980	Lê Trung Kiên	01/10/1980	Hưng Yên	00	00	Không đạt	Vắng thi
307	HCM.26.1.CM1988	Lê Lâm Hoàng Anh Kiệt	30/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
308	HCM.26.1.CM1990	Mã Tuấn Kiệt	21/12/1998	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
309	HCM.26.1.CM1995	Đỗ Tuấn Kiệt	18/01/1979	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
310	HCM.26.1.CM2008	Trịnh Thúy Kiều	28/01/1993	Sơn La	00	00	Không đạt	Vắng thi
311	HCM.26.1.CM2045	Nguyễn Văn Lam	19/05/1983	Nghệ An	95	15	Không đạt	
312	HCM.26.1.CM2050	Lê Thị Lan	07/09/1989	Thanh Hóa	00	00	Không đạt	Vắng thi
313	HCM.26.1.CM2052	Nguyễn Thị Hương Lan	14/12/2006	Lào Cai	00	00	Không đạt	Vắng thi
314	HCM.26.1.CM2053	Trần Thị Phương Lan	10/10/1984	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
315	HCM.26.1.CM2055	Hồ Thị Thanh Lan	10/06/1989	Quảng Trị	60	58	Không đạt	
316	HCM.26.1.CM2056	Huỳnh Diễm Lan	04/10/2004	Khánh Hòa	00	00	Không đạt	Vắng thi
317	HCM.26.1.CM2058	Lê Nguyễn Thị Kim Lan	24/08/1983	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
318	HCM.26.1.CM2062	Nguyễn Thị Diễm Lan	10/06/1988	Hà Nội	00	00	Không đạt	Vắng thi
319	HCM.26.1.CM2072	Nguyễn Thị Lan	03/11/1985	Hưng Yên	65	60	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
320	HCM.26.1.CM2087	Hà Văn Lâm	20/02/1992	Gia Lai	83	65	Không đạt	
321	HCM.26.1.CM2111	Nguyễn Thị Lê	16/06/1990	Hà Nội	00	00	Không đạt	Vắng thi
322	HCM.26.1.CM2118	Trần Thị Lệ	21/10/1988	TP. Hồ Chí Minh	80	68	Không đạt	
323	HCM.26.1.CM2125	Trần Đăng Mỹ Lệ	05/02/2003	Quảng Ngãi	00	00	Không đạt	Vắng thi
324	HCM.26.1.CM2131	Nguyễn Thị Thanh Liêm	19/05/1976	Đồng Nai	73	68	Không đạt	
325	HCM.26.1.CM2138	Hàng Ngọc Liên	25/08/1985	TP. Hồ Chí Minh	58	58	Không đạt	
326	HCM.26.1.CM2140	Lê Thùy Liên	11/07/1983	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
327	HCM.26.1.CM2141	Nguyễn Thị Liên	06/07/1989	Lâm Đồng	93	50	Không đạt	
328	HCM.26.1.CM2142	Nguyễn Thị Liên	02/05/1985	Hà Tĩnh	00	00	Không đạt	Vắng thi
329	HCM.26.1.CM2146	Lê Thị Phương Liên	16/10/1985	Hưng Yên	95	65	Không đạt	
330	HCM.26.1.CM2152	Đoàn Thị Liễu	23/11/1979	Hải Phòng	80	68	Không đạt	
331	HCM.26.1.CM2160	Lâm Thị Mỹ Linh	17/07/1984	Đắk Lắk	65	63	Không đạt	
332	HCM.26.1.CM2162	Nguyễn Văn Linh	03/10/1992	Đắk Lắk	00	00	Không đạt	Vắng thi
333	HCM.26.1.CM2168	Nguyễn Thị Ngọc Linh	28/02/1984	Khánh Hòa	00	00	Không đạt	Vắng thi
334	HCM.26.1.CM2186	Đỗ Thùy Linh	11/01/1990	Hà Nội	00	00	Không đạt	Vắng thi
335	HCM.26.1.CM2203	Ngô Vũ Linh	03/08/1993	Cà Mau	00	00	Không đạt	Vắng thi
336	HCM.26.1.CM2213	Ninh Thế Linh	22/01/1986	Bắc Ninh	93	68	Không đạt	
337	HCM.26.1.CM2224	Trần Thị Nhật Linh	09/07/2004	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
338	HCM.26.1.CM2233	Hoàng Diệu Linh	10/03/1996	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
339	HCM.26.1.CM2236	Lê Nhã Linh	15/02/2005	An Giang	00	00	Không đạt	Vắng thi
340	HCM.26.1.CM2241	Ngô Khánh Linh	16/03/1994	An Giang	00	00	Không đạt	Vắng thi
341	HCM.26.1.CM2252	Trần Nhật Linh	14/08/1988	QUẢNG TRỊ	40	35	Không đạt	
342	HCM.26.1.CM2255	Trần Thị Mỹ Linh	01/01/1988	Vĩnh Long	00	00	Không đạt	Vắng thi
343	HCM.26.1.CM2256	Trần Thị Thùy Linh	08/01/1997	TP. Hồ Chí Minh	68	83	Không đạt	
344	HCM.26.1.CM2280	Nguyễn Thị Loan	07/12/1986	Thanh Hóa	65	83	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
345	HCM.26.1.CM2293	Trần Hoàng Long	09/02/1978	Vĩnh Long	55	68	Không đạt	
346	HCM.26.1.CM2295	Hoàng Đức Long	11/01/2001	Hà Nội	00	00	Không đạt	Vắng thi
347	HCM.26.1.CM2296	Nguyễn Thiên Long	06/08/1988	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
348	HCM.26.1.CM2298	Trần Phi Long	04/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	83	63	Không đạt	
349	HCM.26.1.CM2309	Lê Long	21/02/1999	Lâm Đồng	00	00	Không đạt	Vắng thi
350	HCM.26.1.CM2315	Nguyễn Duy Long	01/05/1973	Huế	43	73	Không đạt	
351	HCM.26.1.CM2322	Tô Giang Bảo Long	03/06/2003	TP. Hồ Chí Minh	75	60	Không đạt	
352	HCM.26.1.CM2327	Lê Tấn Long	07/06/2000	Hà Nội	00	00	Không đạt	Vắng thi
353	HCM.26.1.CM2334	Phạm Văn Long	30/09/1978	Ninh Bình	60	45	Không đạt	
354	HCM.26.1.CM2338	Nguyễn Hữu Lộc	26/02/1991	Đồng Tháp	00	00	Không đạt	Vắng thi
355	HCM.26.1.CM2341	Chế A Lộc	08/06/1981	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
356	HCM.26.1.CM2343	Hoàng Đức Lộc	31/08/2003	Quảng Trị	85	68	Không đạt	
357	HCM.26.1.CM2344	Lê Huỳnh Bá Lộc	13/08/1998	Cà Mau	83	63	Không đạt	
358	HCM.26.1.CM2354	Lê Phúc Lộc	09/02/1990	Vĩnh Long	75	60	Không đạt	
359	HCM.26.1.CM2356	Nguyễn Phú Lộc	21/02/1993	Đà Nẵng	73	65	Không đạt	
360	HCM.26.1.CM2360	Nguyễn Văn Lôm	25/09/1984	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
361	HCM.26.1.CM2362	Lê Văn Lợi	17/09/1984	TP. Hồ Chí Minh	73	65	Không đạt	
362	HCM.26.1.CM2375	Hồ Thanh Luân	09/11/1990	An Giang	68	75	Không đạt	
363	HCM.26.1.CM2389	Lê Đình Luân	18/02/1989	Thanh Hóa	78	68	Không đạt	
364	HCM.26.1.CM2414	Hoàng Trần Lương	18/11/2000	Thanh Hóa	00	00	Không đạt	Vắng thi
365	HCM.26.1.CM2425	Dương Thị Hồng Ly	15/10/1997	Đà Nẵng	00	00	Không đạt	Vắng thi
366	HCM.26.1.CM2437	Nguyễn Ngọc Trúc Ly	18/09/1988	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
367	HCM.26.1.CM2449	Nguyễn Thị Ly	05/02/1993	Quảng Ngãi	65	83	Không đạt	
368	HCM.26.1.CM2451	Bùi Thị Kim Lý	02/10/1999	Lâm Đồng	65	85	Không đạt	
369	HCM.26.1.CM2452	Đỗ Minh Hải Lý	24/04/1983	Đồng Nai	80	58	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
370	HCM.26.1.CM2457	Phạm Vũ Thiên Lý	20/09/1983	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
371	HCM.26.1.CM2458	Trần Công Lý	14/01/1992	ĐỒNG THÁP	00	00	Không đạt	Vắng thi
372	HCM.26.1.CM2475	Đình Thị Bé Mai	28/09/2002	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
373	HCM.26.1.CM2477	Hồ Ngọc Sương Mai	24/09/2005	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
374	HCM.26.1.CM2480	Lê Thị Ngọc Mai	16/03/2003	Vĩnh Long	83	63	Không đạt	
375	HCM.26.1.CM2497	Phạm Thị Ngọc Mai	22/08/1980	TP. Hồ Chí Minh	85	65	Không đạt	
376	HCM.26.1.CM2529	Trần Thị Miên	04/04/1994	Hà Tĩnh	60	70	Không đạt	
377	HCM.26.1.CM2549	Nguyễn Quốc Minh	18/04/1982	An Giang	00	00	Không đạt	Vắng thi
378	HCM.26.1.CM2551	Nguyễn Trần Thảo Minh	03/02/2004	Đồng Tháp	00	00	Không đạt	Vắng thi
379	HCM.26.1.CM2553	Phạm Ngọc Minh	17/08/1986	Đồng Tháp	00	00	Không đạt	Vắng thi
380	HCM.26.1.CM2559	Trần Kiến Minh	18/02/1985	Vĩnh Long	75	60	Không đạt	
381	HCM.26.1.CM2567	Dương Hoàng Minh	20/04/1999	Tây Ninh	78	63	Không đạt	
382	HCM.26.1.CM2573	Trần Đức Minh	10/05/1992	TP. Hồ Chí Minh	83	68	Không đạt	
383	HCM.26.1.CM2581	Hồ Thị Diễm My	04/08/2005	TP. Hồ Chí Minh	70	65	Không đạt	
384	HCM.26.1.CM2582	Nguyễn Hoàng My	26/08/1990	Nghệ An	80	68	Không đạt	
385	HCM.26.1.CM2585	Huỳnh Thị Trà My	28/03/2000	Tây Ninh	73	68	Không đạt	
386	HCM.26.1.CM2589	Phạm Thị Trà My	09/11/1977	Đồng Tháp	00	00	Không đạt	Vắng thi
387	HCM.26.1.CM2591	Trần Ngọc Thảo My	21/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
388	HCM.26.1.CM2593	Trần Thị Thảo My	10/04/1996	Gia Lai	00	00	Không đạt	Vắng thi
389	HCM.26.1.CM2609	Ngô Hoàng Ái Mỹ	30/12/1996	Lâm Đồng	00	00	Không đạt	Vắng thi
390	HCM.26.1.CM2610	Nguyễn Thị Khánh Mỹ	29/04/1994	Quảng Trị	00	00	Không đạt	Vắng thi
391	HCM.26.1.CM2629	Đình Đức Nam	24/10/2004	Ninh Bình	80	68	Không đạt	
392	HCM.26.1.CM2652	Nguyễn Tấn Nam	10/01/1968	Quảng Ngãi	00	00	Không đạt	Vắng thi
393	HCM.26.1.CM2692	Phạm Thị Hồng Nga	04/07/1998	Gia Lai	45	58	Không đạt	
394	HCM.26.1.CM2694	Phạm Thị Nga	02/03/1977	Thanh Hóa	63	50	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
395	HCM.26.1.CM2700	Nguyễn Thị Nga	04/05/1993	Hà Tĩnh	88	68	Không đạt	
396	HCM.26.1.CM2711	Nguyễn Thị Kim Ngân	11/01/1999	TP. Hồ Chí Minh	65	73	Không đạt	
397	HCM.26.1.CM2722	Dương Văn Ngân	06/05/1989	Đồng Tháp	65	68	Không đạt	
398	HCM.26.1.CM2732	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	17/07/1987	TP. Hồ Chí Minh	73	68	Không đạt	
399	HCM.26.1.CM2735	Nguyễn Thị Thúy Ngân	02/02/1995	Gia Lai	70	63	Không đạt	
400	HCM.26.1.CM2739	Trần Thị Kim Ngân	07/09/1985	Khánh Hòa	88	58	Không đạt	
401	HCM.26.1.CM2740	Trần Thị Thu Ngân	21/05/1988	Đồng Tháp	93	63	Không đạt	
402	HCM.26.1.CM2753	Nguyễn Yến Ngân	24/08/1993	TP. Hồ Chí Minh	68	73	Không đạt	
403	HCM.26.1.CM2760	Võ Thị Hồng Ngân	01/01/1987	TP. Hồ Chí Minh	90	68	Không đạt	
404	HCM.26.1.CM2766	Châu Bửu Nghi	13/04/1995	TP. Hồ Chí Minh	78	65	Không đạt	
405	HCM.26.1.CM2778	Trần Quang Nghĩa	06/04/1981	TP. Hồ Chí Minh	80	65	Không đạt	
406	HCM.26.1.CM2781	Võ Hiếu Nghĩa	31/10/1979	Vĩnh Long	50	70	Không đạt	
407	HCM.26.1.CM2786	Hoàng Thị Nghĩa	24/02/1998	Đà Nẵng	00	00	Không đạt	Vắng thi
408	HCM.26.1.CM2803	Đỗ Văn Nghiêm	05/04/1989	Ninh Bình	00	00	Không đạt	Vắng thi
409	HCM.26.1.CM2809	Tăng Thế Ngọc	05/12/2001	Tây Ninh	83	68	Không đạt	
410	HCM.26.1.CM2820	Bùi Bảo Ngọc	28/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	85	68	Không đạt	
411	HCM.26.1.CM2821	Cao Thị Kim Ngọc	01/01/1997	Cần Thơ	65	73	Không đạt	
412	HCM.26.1.CM2831	Ngô Thị Bích Ngọc	07/08/1977	Hải Phòng	65	68	Không đạt	
413	HCM.26.1.CM2852	Lê Thị Bảo Ngọc	19/07/1981	TP. Hồ Chí Minh	85	65	Không đạt	
414	HCM.26.1.CM2856	Nguyễn Lê Phương Ngọc	28/02/2003	Quảng Ngãi	00	00	Không đạt	Vắng thi
415	HCM.26.1.CM2859	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	04/08/1983	Tây Ninh	93	68	Không đạt	
416	HCM.26.1.CM2873	Trần Khôi Nguyên	31/03/1981	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
417	HCM.26.1.CM2882	Bùi Kim Nguyên	23/10/1991	An Giang	00	00	Không đạt	Vắng thi
418	HCM.26.1.CM2895	Cao Khánh Nguyên	10/04/2000	Vĩnh Long	00	00	Không đạt	Vắng thi
419	HCM.26.1.CM2899	Ngô Vũ Nguyên	01/01/1991	Đắk Lắk	80	68	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
420	HCM.26.1.CM2923	Nguyễn Quang Nha	04/12/2001	Gia Lai	00	00	Không đạt	Vắng thi
421	HCM.26.1.CM2927	Phạm Ngọc Nhã	20/12/1969	Hải Phòng	83	63	Không đạt	
422	HCM.26.1.CM2934	Nguyễn Thị Nhã	15/05/1991	Quảng Trị	00	00	Không đạt	Vắng thi
423	HCM.26.1.CM2936	Trần Lê Thanh Nhã	05/06/1991	Vĩnh Long	00	00	Không đạt	Vắng thi
424	HCM.26.1.CM2943	Đỗ Thị Nhân	01/02/2001	Ninh Bình	75	63	Không đạt	
425	HCM.26.1.CM2957	Bùi Qui Nhân	01/01/1999	Cà Mau	83	68	Không đạt	
426	HCM.26.1.CM2974	Võ Thành Trương Minh Nhân	15/07/1975	TP. Hồ Chí Minh	68	68	Không đạt	
427	HCM.26.1.CM2977	Hoàng Cao Nhân	22/10/1979	Hải Phòng	00	00	Không đạt	Vắng thi
428	HCM.26.1.CM2980	Nguyễn Thành Nhân	06/12/1992	TP. Hồ Chí Minh	90	65	Không đạt	
429	HCM.26.1.CM2986	Huỳnh Trung Nhân	20/10/2000	Cần Thơ	68	88	Không đạt	
430	HCM.26.1.CM3006	Trần Hồng Nhật	18/03/1992	Quảng Trị	00	00	Không đạt	Vắng thi
431	HCM.26.1.CM3009	Hồ Viễn Nhi	12/03/2004	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
432	HCM.26.1.CM3012	Nguyễn Thị Hoài Nhi	25/12/1989	Đắk Lắk	00	00	Không đạt	Vắng thi
433	HCM.26.1.CM3020	Phan Thị Yên Nhi	18/05/1997	TP. Hồ Chí Minh	85	55	Không đạt	
434	HCM.26.1.CM3039	Ba Bi Ny Tuyết Nhi	27/08/1995	An Giang	100	65	Không đạt	
435	HCM.26.1.CM3043	Hà Ngọc Nhi	14/05/1994	Đắk Lắk	85	60	Không đạt	
436	HCM.26.1.CM3047	Nguyễn Hữu Nhi	18/05/1993	TP. Hồ Chí Minh	93	63	Không đạt	
437	HCM.26.1.CM3057	Vũ Thảo Nhi	28/10/1997	Hà Nội	90	60	Không đạt	
438	HCM.26.1.CM3068	Nguyễn Thị Minh Nhung	01/07/1996	Gia Lai	83	58	Không đạt	
439	HCM.26.1.CM3098	Võ Thị Tuyết Nhung	02/06/1988	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
440	HCM.26.1.CM3101	Lương Quỳnh Như	20/09/1997	Đồng Tháp	88	55	Không đạt	
441	HCM.26.1.CM3112	Lê Khoa Khắc Như	11/04/1997	Vĩnh Long	73	60	Không đạt	
442	HCM.26.1.CM3122	Phan Thị Quỳnh Như	30/06/1997	TP. Hồ Chí Minh	90	65	Không đạt	
443	HCM.26.1.CM3127	Phan Ngọc Quỳnh Như	14/10/1997	TP. Hồ Chí Minh	83	68	Không đạt	
444	HCM.26.1.CM3128	Trần Thị Huỳnh Như	10/10/2000	Đồng Tháp	83	53	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
445	HCM.26.1.CM3129	Trần Thị Quỳnh Như	04/01/2004	Đồng Nai	68	63	Không đạt	
446	HCM.26.1.CM3130	Nghiêm Thị Anh Như	17/11/2006	Thanh Hóa	00	00	Không đạt	Vắng thi
447	HCM.26.1.CM3139	Đoàn Thị Ni Ni	25/08/1994	Huế	00	00	Không đạt	Vắng thi
448	HCM.26.1.CM3140	Lê Thị Hằng Ni	29/06/2001	Cà Mau	90	68	Không đạt	
449	HCM.26.1.CM3144	Nguyễn Đăng Ninh	19/03/1985	Đắk Lắk	78	68	Không đạt	
450	HCM.26.1.CM3153	Bùi Văn Nuôi	13/05/1988	Hà Tĩnh	00	00	Không đạt	Vắng thi
451	HCM.26.1.CM3156	Lê Huỳnh Nương	01/07/2000	An Giang	85	68	Không đạt	
452	HCM.26.1.CM3157	Dương Thị Thúy Nương	06/10/1994	Quảng Ngãi	00	00	Không đạt	Vắng thi
453	HCM.26.1.CM3161	Trần Thị Kỳ Ny	13/04/1972	Quảng Ngãi	00	00	Không đạt	Vắng thi
454	HCM.26.1.CM3162	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	26/11/1992	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
455	HCM.26.1.CM3166	Nguyễn Thị Hồng Oanh	06/08/1992	Khánh Hòa	00	00	Không đạt	Vắng thi
456	HCM.26.1.CM3173	Hoàng Thị Ngọc Oanh	12/10/1979	Hải Phòng	45	60	Không đạt	
457	HCM.26.1.CM3178	Nguyễn Thị Kim Oanh	01/10/1986	Nghệ An	73	55	Không đạt	
458	HCM.26.1.CM3179	Nguyễn Thị Kim Oanh	17/11/1982	Hưng Yên	73	68	Không đạt	
459	HCM.26.1.CM3188	Trần Thị Kim Oanh	12/09/1987	Đồng Nai	53	45	Không đạt	
460	HCM.26.1.CM3189	Trương Gia Oanh	22/03/2006	Đồng Tháp	78	63	Không đạt	
461	HCM.26.1.CM3203	Nguyễn Văn Pháp	24/05/1989	Lâm Đồng	80	63	Không đạt	
462	HCM.26.1.CM3204	Trịnh Minh Pháp	05/06/1988	Gia Lai	73	68	Không đạt	
463	HCM.26.1.CM3209	Lê Toàn Phát	15/05/1991	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
464	HCM.26.1.CM3210	Lý Gia Phát	19/10/2004	Đồng Tháp	90	65	Không đạt	
465	HCM.26.1.CM3215	Võ Lê Thị Ngân Phát	11/12/1995	Đắk Lắk	85	58	Không đạt	
466	HCM.26.1.CM3219	Trương Tấn Phát	15/01/1983	Đồng Tháp	00	00	Không đạt	Vắng thi
467	HCM.26.1.CM3228	Hồ Ngọc Phi	22/02/1998	Gia Lai	85	63	Không đạt	
468	HCM.26.1.CM3230	Nguyễn Mai Yến Phi	13/11/1988	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
469	HCM.26.1.CM3239	Phạm Thanh Phong	13/02/1988	TP. Hồ Chí Minh	85	58	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
470	HCM.26.1.CM3250	Nguyễn Thanh Phong	13/01/1998	Hải Phòng	00	00	Không đạt	Vắng thi
471	HCM.26.1.CM3251	Phạm Đăng Phong	29/07/1992	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
472	HCM.26.1.CM3256	Trần Thanh Phong	10/10/1980	Hà Tĩnh	93	65	Không đạt	
473	HCM.26.1.CM3268	Võ Văn Phong	03/07/1994	Quảng Trị	78	68	Không đạt	
474	HCM.26.1.CM3270	Nguyễn Văn Phú	28/09/1989	Đồng Nai	70	55	Không đạt	
475	HCM.26.1.CM3273	Đỗ Thị Hồng Phú	20/04/1987	Quảng Trị	95	60	Không đạt	
476	HCM.26.1.CM3280	Nguyễn Thị Thịnh Phú	26/06/1991	An Giang	88	65	Không đạt	
477	HCM.26.1.CM3282	Phạm Văn Phú	03/09/1999	An Giang	90	68	Không đạt	
478	HCM.26.1.CM3287	Nguyễn Quốc Phú	15/10/1998	Lâm Đồng	98	48	Không đạt	
479	HCM.26.1.CM3319	Nguyễn Ngọc Phúc	10/09/1996	Vĩnh Long	80	63	Không đạt	
480	HCM.26.1.CM3320	Nguyễn Quang Phúc	30/08/1984	Khánh Hòa	88	68	Không đạt	
481	HCM.26.1.CM3328	Vũ Thị Kim Phúc	10/08/1989	Ninh Bình	00	00	Không đạt	Vắng thi
482	HCM.26.1.CM3332	Nguyễn Thị Kim Phụng	19/05/2000	An Giang	90	68	Không đạt	
483	HCM.26.1.CM3333	Trần Đức Phụng	10/10/1998	Đồng Tháp	70	60	Không đạt	
484	HCM.26.1.CM3338	Nim Sỏi Phụng	13/01/2002	Đồng Nai	85	60	Không đạt	
485	HCM.26.1.CM3339	Phan Đình Phi Phụng	08/08/1986	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
486	HCM.26.1.CM3345	Bùi Việt Phước	02/11/2003	Lâm Đồng	75	55	Không đạt	
487	HCM.26.1.CM3346	Lâm Nguyễn Anh Phước	14/12/1997	Đắk Lắk	00	00	Không đạt	Vắng thi
488	HCM.26.1.CM3356	Nguyễn Văn Phước	14/12/1990	Huế	83	63	Không đạt	
489	HCM.26.1.CM3372	Cáp Thị Nhật Phương	10/01/2005	TP. Hồ Chí Minh	80	63	Không đạt	
490	HCM.26.1.CM3375	Đặng Thị Yến Phương	07/07/2004	An Giang	00	00	Không đạt	Vắng thi
491	HCM.26.1.CM3389	Nguyễn Hữu Hoàng Phương	10/08/1981	TP. Hồ Chí Minh	78	63	Không đạt	
492	HCM.26.1.CM3395	Nguyễn Văn Phương	25/11/1995	Bắc Ninh	85	68	Không đạt	
493	HCM.26.1.CM3410	Dương Thị Hà Phương	15/04/1998	Đà Nẵng	00	00	Không đạt	Vắng thi
494	HCM.26.1.CM3411	Hồng Võ Xuân Phương	01/02/1995	Khánh Hòa	95	65	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
495	HCM.26.1.CM3429	Phạm Thị Tâm Phương	25/01/1986	Cà Mau	78	68	Không đạt	
496	HCM.26.1.CM3441	Nguyễn Thị Phương	09/11/1990	Gia Lai	00	00	Không đạt	Vắng thi
497	HCM.26.1.CM3447	Nguyễn Thị Phương	10/02/1987	Thanh Hóa	80	63	Không đạt	
498	HCM.26.1.CM3449	Bùi Thị Thu Phương	13/03/1994	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
499	HCM.26.1.CM3451	Đỗ Hoa Phương	08/04/1986	Thanh Hóa	80	63	Không đạt	
500	HCM.26.1.CM3456	Lương Thị Phương	08/01/1998	Hưng Yên	80	55	Không đạt	
501	HCM.26.1.CM3492	Nguyễn Văn Quang	02/03/1992	TP. Hồ Chí Minh	75	65	Không đạt	
502	HCM.26.1.CM3511	Trương Kim Quân	14/09/1968	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
503	HCM.26.1.CM3518	Nguyễn Hồng Quân	10/10/1989	Hà Tĩnh	88	68	Không đạt	
504	HCM.26.1.CM3520	Nguyễn Văn Quân	05/11/1982	Ninh Bình	70	53	Không đạt	
505	HCM.26.1.CM3522	Võ Hoàng Quân	07/11/2006	TP. Hồ Chí Minh	78	58	Không đạt	
506	HCM.26.1.CM3524	Vũ Văn Quân	15/08/1998	Ninh Bình	00	00	Không đạt	Vắng thi
507	HCM.26.1.CM3557	Nguyễn Văn Quốc	13/03/1983	Huế	00	00	Không đạt	Vắng thi
508	HCM.26.1.CM3565	Trần Đức Quý	13/08/1993	Đồng Nai	83	55	Không đạt	
509	HCM.26.1.CM3572	Trương Ngọc Quý	10/03/1996	Đồng Nai	80	53	Không đạt	
510	HCM.26.1.CM3573	Nguyễn Cao Quý	24/12/1993	Khánh Hòa	83	65	Không đạt	
511	HCM.26.1.CM3576	Nguyễn Văn Quý	26/11/2002	Thái Nguyên	00	00	Không đạt	Vắng thi
512	HCM.26.1.CM3579	Ngô Ngọc Quý	01/06/1988	An Giang	75	63	Không đạt	
513	HCM.26.1.CM3592	Trịnh Thị Bé Quyên	11/06/1986	Cà Mau	90	68	Không đạt	
514	HCM.26.1.CM3602	Nguyễn Văn Quyên	27/02/1992	Huế	85	68	Không đạt	
515	HCM.26.1.CM3607	Phạm Công Quyết	06/07/1991	Hải Phòng	65	38	Không đạt	
516	HCM.26.1.CM3609	Nguyễn Hai Quỳnh	10/01/1994	Hà Tĩnh	00	00	Không đạt	Vắng thi
517	HCM.26.1.CM3615	Đỗ Thị Như Quỳnh	22/05/2001	Huế	85	68	Không đạt	
518	HCM.26.1.CM3620	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	09/07/1981	Quảng Trị	75	63	Không đạt	
519	HCM.26.1.CM3622	Nguyễn Trúc Quỳnh	21/04/1992	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
520	HCM.26.1.CM3623	Nguyễn Xuân Quỳnh	14/03/1996	Quảng Ngãi	00	00	Không đạt	Vắng thi
521	HCM.26.1.CM3625	Phạm Thị Hoàng Quỳnh	20/06/2000	Đồng Nai	88	63	Không đạt	
522	HCM.26.1.CM3626	Trần Ngọc Diễm Quỳnh	23/04/1992	Đắk Lắk	70	65	Không đạt	
523	HCM.26.1.CM3628	Vũ Như Quỳnh	07/07/2006	Đồng Nai	78	55	Không đạt	
524	HCM.26.1.CM3635	Tạ Nguyễn Mai Quỳnh	19/02/1990	Lâm Đồng	00	00	Không đạt	Vắng thi
525	HCM.26.1.CM3638	Phạm Mỹ Riêng	29/06/2003	Cà Mau	70	55	Không đạt	
526	HCM.26.1.CM3643	Huỳnh Phú Sang	22/02/1993	TP. Hồ Chí Minh	83	65	Không đạt	
527	HCM.26.1.CM3644	Huỳnh Quang Sang	15/09/1999	Huế	75	58	Không đạt	
528	HCM.26.1.CM3646	Nguyễn Ngọc Thanh Sang	13/02/1990	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
529	HCM.26.1.CM3648	Trần Hoàng Sang	27/08/1992	Đồng Tháp	00	00	Không đạt	Vắng thi
530	HCM.26.1.CM3653	Phạm Hùng Sang	21/06/1987	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
531	HCM.26.1.CM3654	Phan Vũ Sang	18/02/2002	Cần Thơ	75	55	Không đạt	
532	HCM.26.1.CM3661	Quách Minh Sang	15/06/2003	Cần Thơ	80	55	Không đạt	
533	HCM.26.1.CM3669	Lê Trần Sáng	26/02/2003	TP. Hồ Chí Minh	68	53	Không đạt	
534	HCM.26.1.CM3680	Đương Ngọc Sinh	02/07/1991	Gia Lai	90	65	Không đạt	
535	HCM.26.1.CM3682	Nguyễn Đình Sinh	17/08/2006	Nghệ An	00	00	Không đạt	Vắng thi
536	HCM.26.1.CM3686	Lê Tấn Song	16/02/1992	An Giang	90	68	Không đạt	
537	HCM.26.1.CM3687	Nguyễn Thị Thu Song	15/08/1986	Đà Nẵng	88	60	Không đạt	
538	HCM.26.1.CM3697	Phan Tất Sơn	15/06/1985	Nghệ An	00	00	Không đạt	Vắng thi
539	HCM.26.1.CM3706	Mã Thanh Sơn	12/12/1976	Đồng Tháp	75	65	Không đạt	
540	HCM.26.1.CM3710	Nguyễn Thanh Sơn	22/02/1985	Đồng Nai	83	58	Không đạt	
541	HCM.26.1.CM3712	Nguyễn Trường Sơn	12/06/1990	Nghệ An	00	00	Không đạt	Vắng thi
542	HCM.26.1.CM3715	Trần Oai Sơn	21/11/1979	Đà Nẵng	00	00	Không đạt	Vắng thi
543	HCM.26.1.CM3718	Vũ Hoàng Sơn	25/11/1989	Lâm Đồng	00	00	Không đạt	Vắng thi
544	HCM.26.1.CM3731	Lê Viết Sun	19/10/1991	Huế	88	68	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
545	HCM.26.1.CM3745	Đình Công Sỹ	01/05/2001	Quảng Ngãi	73	48	Không đạt	
546	HCM.26.1.CM3751	Vương Minh Tài	17/06/2003	Ninh Bình	73	60	Không đạt	
547	HCM.26.1.CM3754	Nguyễn Hữu Tài	21/12/1996	An Giang	00	68	Không đạt	
548	HCM.26.1.CM3756	Nguyễn Phát Tài	03/05/2002	TP. Hồ Chí Minh	73	53	Không đạt	
549	HCM.26.1.CM3759	Bùi Đăng Tấn Tài	22/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	68	58	Không đạt	
550	HCM.26.1.CM3760	Đình Bảo Tài	17/04/2002	TP. Hồ Chí Minh	75	63	Không đạt	
551	HCM.26.1.CM3771	Trương Siêu Tài	03/03/1990	TP. Hồ Chí Minh	80	63	Không đạt	
552	HCM.26.1.CM3777	Nguyễn Tấn Tài	08/07/1988	Đồng Nai	80	60	Không đạt	
553	HCM.26.1.CM3796	Trần Xuân Tạo	28/08/1985	Quảng Ngãi	83	65	Không đạt	
554	HCM.26.1.CM3802	Trần Hữu Tâm	09/06/2002	An Giang	70	58	Không đạt	
555	HCM.26.1.CM3817	Nguyễn Thành Tâm	21/08/1988	TP. Hồ Chí Minh	90	68	Không đạt	
556	HCM.26.1.CM3818	Nguyễn Thành Tâm	31/08/1987	Gia Lai	80	65	Không đạt	
557	HCM.26.1.CM3819	Nguyễn Thị Kim Tâm	25/01/1998	TP. Hồ Chí Minh	93	68	Không đạt	
558	HCM.26.1.CM3831	Trần Mạc Băng Tâm	04/10/1968	Gia Lai	75	58	Không đạt	
559	HCM.26.1.CM3833	Trần Thị Tâm	21/08/1980	TP. Hồ Chí Minh	73	45	Không đạt	
560	HCM.26.1.CM3836	Đặng Thanh Tâm	16/02/1999	Vĩnh Long	75	68	Không đạt	
561	HCM.26.1.CM3837	Đoàn Văn Tâm	18/01/1980	Cà Mau	83	60	Không đạt	
562	HCM.26.1.CM3845	Nguyễn Thành Tâm	10/11/1981	Đồng Nai	78	65	Không đạt	
563	HCM.26.1.CM3847	Phạm Minh Tâm	04/01/1998	Quảng Ngãi	00	00	Không đạt	Vắng thi
564	HCM.26.1.CM3852	Trịnh Thị Thanh Tâm	09/01/1990	Đồng Nai	83	65	Không đạt	
565	HCM.26.1.CM3855	Nguyễn Ngọc Tân	09/10/1994	Ninh Bình	83	58	Không đạt	
566	HCM.26.1.CM3858	Nghiêm Văn Tân	27/06/1983	Thanh Hóa	83	55	Không đạt	
567	HCM.26.1.CM3873	Phạm Ngọc Tân	06/04/1984	Quảng Ngãi	88	65	Không đạt	
568	HCM.26.1.CM3889	Võ Đức Tấn	09/08/1994	Khánh Hòa	75	53	Không đạt	
569	HCM.26.1.CM3890	Nguyễn Thanh Tấn	12/01/1997	TP. Hồ Chí Minh	83	63	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
570	HCM.26.1.CM3895	Dương Văn Thạch	24/06/1994	Huế	00	00	Không đạt	Vắng thi
571	HCM.26.1.CM3897	Lê Thị Hồng Thạch	09/10/1984	Đồng Tháp	80	58	Không đạt	
572	HCM.26.1.CM3898	Phạm Đại Thạch	30/09/1989	Nghệ An	73	60	Không đạt	
573	HCM.26.1.CM3901	Nguyễn Thị Thái	18/05/1980	Đắk Lắk	78	58	Không đạt	
574	HCM.26.1.CM3904	Nguyễn Chí Thái	11/10/1996	Cà Mau	78	68	Không đạt	
575	HCM.26.1.CM3906	Trần Thành Thái	12/08/1998	An Giang	00	00	Không đạt	Vắng thi
576	HCM.26.1.CM3909	Lý Hồng Thái	12/10/1991	TP. Hồ Chí Minh	98	65	Không đạt	
577	HCM.26.1.CM3911	Nguyễn Quốc Thái	29/07/1985	Lâm Đồng	80	50	Không đạt	
578	HCM.26.1.CM3912	Nguyễn Thị Thái	25/09/1983	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
579	HCM.26.1.CM3926	Nguyễn Đức Thanh	01/01/1989	TP. Hồ Chí Minh	90	65	Không đạt	
580	HCM.26.1.CM3931	Nguyễn Nhật Thanh	02/05/1993	An Giang	00	00	Không đạt	Vắng thi
581	HCM.26.1.CM3934	Phạm Thị Ngọc Thanh	25/03/1985	Đồng Nai	93	65	Không đạt	
582	HCM.26.1.CM3938	Huỳnh Thị Thu Thanh	30/05/1995	TP. Hồ Chí Minh	88	63	Không đạt	
583	HCM.26.1.CM3939	Lâm Hà Thanh	07/08/1999	TP. Hồ Chí Minh	83	68	Không đạt	
584	HCM.26.1.CM3942	Nguyễn Anh Vũ Thanh	30/07/1991	TP. Hồ Chí Minh	68	60	Không đạt	
585	HCM.26.1.CM3943	Nguyễn Ché Thanh	09/10/2000	Cần Thơ	88	68	Không đạt	
586	HCM.26.1.CM3945	Nguyễn Hà Thanh	09/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
587	HCM.26.1.CM3955	Nguyễn Thị Thanh	08/05/1988	Đắk Lắk	85	65	Không đạt	
588	HCM.26.1.CM3958	Phạm Văn Thanh	25/08/1995	An Giang	78	60	Không đạt	
589	HCM.26.1.CM3960	Trần Nguyễn Phương Thanh	22/10/1989	TP. Hồ Chí Minh	78	60	Không đạt	
590	HCM.26.1.CM3975	Nguyễn Thị Diệu Thanh	19/04/1998	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
591	HCM.26.1.CM3990	Ngô Phạm Phú Thành	05/03/2003	Đà Nẵng	88	50	Không đạt	
592	HCM.26.1.CM3992	Nguyễn Minh Thành	27/10/1998	TP. Hồ Chí Minh	85	68	Không đạt	
593	HCM.26.1.CM3996	Nguyễn Trung Thành	20/01/2004	Tây Ninh	00	00	Không đạt	Vắng thi
594	HCM.26.1.CM4006	Lê Nguyễn Tuấn Thành	12/01/2002	Lâm Đồng	85	68	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
595	HCM.26.1.CM4009	Lê Thị Thành	08/01/1984	Lào Cai	00	00	Không đạt	Vắng thi
596	HCM.26.1.CM4011	Lương Gia Phước Thành	04/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
597	HCM.26.1.CM4021	Phạm Quốc Thành	13/03/1975	Hà Tĩnh	00	00	Không đạt	Vắng thi
598	HCM.26.1.CM4023	Thái Tiến Thành	22/04/2000	Quảng Trị	83	68	Không đạt	
599	HCM.26.1.CM4027	Trang Ngọc Công Thành	01/01/1997	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
600	HCM.26.1.CM4034	Lê Nguyễn Việt Thành	28/07/1995	Đắk Lắk	85	68	Không đạt	
601	HCM.26.1.CM4035	Lê Tấn Thành	07/01/1988	Quảng Ngãi	70	68	Không đạt	
602	HCM.26.1.CM4046	Nguyễn Thị Thảo	25/04/1989	Bắc Ninh	00	00	Không đạt	Vắng thi
603	HCM.26.1.CM4049	Nguyễn Thị Thanh Thảo	16/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	65	75	Không đạt	
604	HCM.26.1.CM4050	Thái Thị Thảo	26/08/1998	Nghệ An	00	00	Không đạt	Vắng thi
605	HCM.26.1.CM4053	Bùi Thạch Thảo	15/02/1997	Gia Lai	83	58	Không đạt	
606	HCM.26.1.CM4058	Lê Ngọc Phương Thảo	23/10/1995	Vĩnh Long	80	60	Không đạt	
607	HCM.26.1.CM4061	Phạm Phương Thảo	07/05/2000	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
608	HCM.26.1.CM4068	Cao Thị Thảo	16/05/1994	Quảng Trị	00	00	Không đạt	Vắng thi
609	HCM.26.1.CM4069	Châu Thị Thảo	20/01/1990	Đà Nẵng	75	68	Không đạt	
610	HCM.26.1.CM4085	Nguyễn Dương Thảo	12/03/1995	TP. Hồ Chí Minh	80	60	Không đạt	
611	HCM.26.1.CM4087	Nguyễn Phương Thảo	12/04/1990	Hà Nội	93	68	Không đạt	
612	HCM.26.1.CM4092	Nguyễn Thị Phương Thảo	18/08/2000	Lâm Đồng	83	55	Không đạt	
613	HCM.26.1.CM4103	Trần Thị Thu Thảo	19/10/1996	Khánh Hòa	00	00	Không đạt	Vắng thi
614	HCM.26.1.CM4106	Võ Thị Ngọc Thảo	19/06/1997	TP. Hồ Chí Minh	80	60	Không đạt	
615	HCM.26.1.CM4111	Đình Phương Thảo	16/01/2002	TP. Hồ Chí Minh	95	68	Không đạt	
616	HCM.26.1.CM4112	Đình Thị Phương Thảo	04/11/1978	TP. Hồ Chí Minh	90	60	Không đạt	
617	HCM.26.1.CM4114	Dương Văn Thảo	22/09/1999	Cần Thơ	95	68	Không đạt	
618	HCM.26.1.CM4118	Lâm Phương Thảo	16/02/1997	Quảng Ngãi	85	53	Không đạt	
619	HCM.26.1.CM4140	Trần Thị Hồng Thắm	26/03/2004	Gia Lai	78	50	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
620	HCM.26.1.CM4141	Trương Thị Hồng Thắm	24/12/2003	Đồng Tháp	83	55	Không đạt	
621	HCM.26.1.CM4149	Lê Thị Thắm	24/11/1988	Thanh Hóa	90	68	Không đạt	
622	HCM.26.1.CM4151	Phan Thị Thắm	17/07/1993	Nghệ An	00	00	Không đạt	Vắng thi
623	HCM.26.1.CM4153	Võ Văn Thắm	26/02/1982	Đà Nẵng	93	68	Không đạt	
624	HCM.26.1.CM4163	Nguyễn Thanh Thắng	26/07/2003	TP. Hồ Chí Minh	80	63	Không đạt	
625	HCM.26.1.CM4164	Nguyễn Tiến Thắng	10/10/1972	Hà Nội	00	00	Không đạt	Vắng thi
626	HCM.26.1.CM4174	Hoàng Kim Thắng	29/11/1993	Huế	83	68	Không đạt	
627	HCM.26.1.CM4195	Phan Đình Thắng	02/08/1989	Nghệ An	83	68	Không đạt	
628	HCM.26.1.CM4199	Nguyễn Văn Thân	11/12/1992	Quảng Ngãi	78	65	Không đạt	
629	HCM.26.1.CM4201	Nguyễn Xuân Thép	04/11/1986	Bắc Ninh	88	55	Không đạt	
630	HCM.26.1.CM4216	Cao Văn Thi	05/02/1993	Gia Lai	95	65	Không đạt	
631	HCM.26.1.CM4219	Nguyễn Tá Thi	06/02/1986	Bắc Ninh	88	68	Không đạt	
632	HCM.26.1.CM4235	Huỳnh Tấn Thiện	14/02/1998	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
633	HCM.26.1.CM4244	Hoàng Thị Thiện	08/08/1987	Nghệ An	90	23	Không đạt	
634	HCM.26.1.CM4262	Lê Sinh Thiểu	11/08/1980	Tây Ninh	80	65	Không đạt	
635	HCM.26.1.CM4264	Huỳnh Văn Thính	07/11/1980	Bắc Ninh	00	00	Không đạt	Vắng thi
636	HCM.26.1.CM4271	Đỗ Văn Thịnh	29/10/1983	Hưng Yên	00	00	Không đạt	Vắng thi
637	HCM.26.1.CM4279	Đỗ Văn Thịnh	20/01/1995	Gia Lai	00	00	Không đạt	Vắng thi
638	HCM.26.1.CM4283	Nguyễn Văn Thịnh	25/12/1997	Quảng Trị	00	00	Không đạt	Vắng thi
639	HCM.26.1.CM4293	Nguyễn Hữu Thọ	09/11/1992	Cần Thơ	85	68	Không đạt	
640	HCM.26.1.CM4300	La Thị Kim Thoa	14/05/1994	Vĩnh Long	88	68	Không đạt	
641	HCM.26.1.CM4308	Trần Kim Thoang	20/08/1983	Đồng Tháp	75	65	Không đạt	
642	HCM.26.1.CM4314	Nguyễn Tài Thông	05/09/1990	Thanh Hóa	78	63	Không đạt	
643	HCM.26.1.CM4322	Nguyễn Văn Thông	10/05/1990	Hà Tĩnh	00	00	Không đạt	Vắng thi
644	HCM.26.1.CM4346	Trần Thị Minh Thu	03/10/1986	Hải Phòng	53	78	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
645	HCM.26.1.CM4348	La Thị Cẩm Thu	05/05/1990	Vĩnh Long	78	58	Không đạt	
646	HCM.26.1.CM4367	Lê Anh Thuận	26/09/2006	Đồng Tháp	80	65	Không đạt	
647	HCM.26.1.CM4371	Hồ Ngọc Thuận	03/11/1991	TP. Hồ Chí Minh	90	68	Không đạt	
648	HCM.26.1.CM4377	Lê Chí Thuận	09/03/2003	TP. Hồ Chí Minh	83	68	Không đạt	
649	HCM.26.1.CM4380	Phùng Đức Thuật	05/12/1984	TP. Hồ Chí Minh	88	63	Không đạt	
650	HCM.26.1.CM4391	Nguyễn Hoàng Thủy	16/05/1987	Lâm Đồng	00	00	Không đạt	Vắng thi
651	HCM.26.1.CM4392	Trần Thanh Thủy	05/01/1991	Đồng Nai	80	60	Không đạt	
652	HCM.26.1.CM4393	Đình Trí Thủy	15/01/1986	Ninh Bình	80	60	Không đạt	
653	HCM.26.1.CM4398	Lê Thị Bích Thủy	03/05/1983	TP. Hồ Chí Minh	83	63	Không đạt	
654	HCM.26.1.CM4404	Trần Trung Thủy	20/01/1990	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
655	HCM.26.1.CM4410	Lương Thị Thủy	06/06/1988	Quảng Ngãi	88	68	Không đạt	
656	HCM.26.1.CM4422	Đào Thị Thanh Thủy	19/02/2000	Gia Lai	00	00	Không đạt	Vắng thi
657	HCM.26.1.CM4424	Nguyễn Hữu Minh Thủy	23/11/1992	Huế	75	60	Không đạt	
658	HCM.26.1.CM4428	Nguyễn Thị Thanh Thùy	17/10/2005	TP. Hồ Chí Minh	93	65	Không đạt	
659	HCM.26.1.CM4442	Hà Thị Bích Thủy	02/02/2002	Quảng Trị	00	00	Không đạt	Vắng thi
660	HCM.26.1.CM4456	Trần Thị Ngọc Thủy	29/06/1978	Nghệ An	00	00	Không đạt	Vắng thi
661	HCM.26.1.CM4469	Đỗ Thị Thanh Thúy	27/03/1982	Lâm Đồng	93	65	Không đạt	
662	HCM.26.1.CM4470	Kim Thúy	24/03/2003	TP. Hồ Chí Minh	88	68	Không đạt	
663	HCM.26.1.CM4477	Trần Thị Diễm Thúy	15/10/1981	Vĩnh Long	78	58	Không đạt	
664	HCM.26.1.CM4483	Trần Thị Ngọc Thúy	11/08/1984	Tây Ninh	88	68	Không đạt	
665	HCM.26.1.CM4497	Mai Nguyễn Anh Thư	20/02/2002	Đồng Tháp	90	63	Không đạt	
666	HCM.26.1.CM4498	Nguyễn Đình Anh Thư	25/05/1991	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
667	HCM.26.1.CM4499	Nguyễn Ngọc Anh Thư	18/05/2007	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
668	HCM.26.1.CM4500	Phạm Ngọc Thư	30/09/2004	Vĩnh Long	00	00	Không đạt	Vắng thi
669	HCM.26.1.CM4511	Nguyễn Thị Minh Thư	07/06/2003	Đồng Tháp	98	60	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
670	HCM.26.1.CM4525	Trần Thị Hiếu Thu	29/03/2003	Đắk Lắk	73	65	Không đạt	
671	HCM.26.1.CM4533	Ngô Quang Thúc	10/08/1984	Đà Nẵng	00	00	Không đạt	Vắng thi
672	HCM.26.1.CM4543	Nguyễn Thị Hoài Thương	01/01/2000	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
673	HCM.26.1.CM4551	Nguyễn Thị Hoài Thương	18/10/1996	Lâm Đồng	00	00	Không đạt	Vắng thi
674	HCM.26.1.CM4554	Nguyễn Thị Thương	30/12/1994	Gia Lai	00	00	Không đạt	Vắng thi
675	HCM.26.1.CM4559	Phạm Thị Thương	01/05/1984	Hà Tĩnh	95	68	Không đạt	
676	HCM.26.1.CM4561	Trần Thị Ngọc Thương	30/08/2000	Đắk Lắk	80	00	Không đạt	
677	HCM.26.1.CM4563	Lê Thị Thương Thương	08/04/1996	Thanh Hóa	88	65	Không đạt	
678	HCM.26.1.CM4564	Nguyễn Hoài Thương	04/11/1998	Cần Thơ	80	68	Không đạt	
679	HCM.26.1.CM4565	Nguyễn Thương	25/12/1996	Huế	00	00	Không đạt	Vắng thi
680	HCM.26.1.CM4567	Trần Đặng Hoài Thương	03/03/1995	TP. Hồ Chí Minh	85	55	Không đạt	
681	HCM.26.1.CM4572	Lê Hoàng Linh Thy	03/01/2004	TP. Hồ Chí Minh	78	65	Không đạt	
682	HCM.26.1.CM4574	Nguyễn Đặng Yến Thy	28/07/1993	TP. Hồ Chí Minh	85	65	Không đạt	
683	HCM.26.1.CM4577	Ngân Phần Tịch	04/10/1982	Đồng Nai	83	58	Không đạt	
684	HCM.26.1.CM4592	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	05/09/2003	Hải Phòng	75	45	Không đạt	
685	HCM.26.1.CM4601	Đoàn Thị Thủy Tiên	18/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
686	HCM.26.1.CM4603	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	27/08/1992	Tây Ninh	00	00	Không đạt	Vắng thi
687	HCM.26.1.CM4613	Lê Kim Tiên	16/11/2003	Đồng Tháp	00	00	Không đạt	Vắng thi
688	HCM.26.1.CM4616	Nguyễn Thị Thanh Tiên	12/12/2002	Đồng Tháp	78	68	Không đạt	
689	HCM.26.1.CM4622	Nguyễn Tấn Tiên	17/07/2005	Đồng Tháp	60	48	Không đạt	
690	HCM.26.1.CM4626	Vũ Thanh Tiên	14/02/2002	TP. Hồ Chí Minh	80	65	Không đạt	
691	HCM.26.1.CM4632	Lại Văn Tiên	18/08/1996	Quảng Ngãi	68	45	Không đạt	
692	HCM.26.1.CM4633	Lê Đình Tiên	05/02/1997	Cần Thơ	00	00	Không đạt	Vắng thi
693	HCM.26.1.CM4644	Diệp Vĩnh Tiên	05/11/2005	Cà Mau	83	63	Không đạt	
694	HCM.26.1.CM4652	Trần Minh Tiên	03/03/1992	Sơn La	00	00	Không đạt	Vắng thi

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
695	HCM.26.1.CM4656	Hoàng Danh Tiệp	02/05/1982	Nghệ An	78	60	Không đạt	
696	HCM.26.1.CM4660	Nguyễn Hữu Tín	31/01/2001	Quảng Ngãi	73	63	Không đạt	
697	HCM.26.1.CM4663	Hoàng Tấn Tín	10/08/2000	Gia Lai	75	65	Không đạt	
698	HCM.26.1.CM4664	Huỳnh Trung Tín	05/05/2003	Đồng Tháp	75	63	Không đạt	
699	HCM.26.1.CM4668	Nguyễn Hoàng Tín	07/02/2004	TP. Hồ Chí Minh	85	55	Không đạt	
700	HCM.26.1.CM4682	Phan Văn Tình	02/10/1985	Nghệ An	00	50	Không đạt	
701	HCM.26.1.CM4697	Trần Đình Toại	13/09/1994	Gia Lai	00	00	Không đạt	Vắng thi
702	HCM.26.1.CM4698	Đặng Quốc Toàn	07/08/1994	Vĩnh Long	00	00	Không đạt	Vắng thi
703	HCM.26.1.CM4703	Trương Thái Toàn	14/06/1983	Lâm Đồng	73	63	Không đạt	
704	HCM.26.1.CM4711	Phạm Hải Toàn	19/02/1997	Cần Thơ	00	00	Không đạt	Vắng thi
705	HCM.26.1.CM4733	Vũ Huyền Tông	08/05/1984	Đắk Lắk	00	00	Không đạt	Vắng thi
706	HCM.26.1.CM4755	Nguyễn Thị Thu Trang	28/09/1984	Tây Ninh	00	00	Không đạt	Vắng thi
707	HCM.26.1.CM4759	Trần Thị Thùy Trang	11/09/1990	Đồng Tháp	00	00	Không đạt	Vắng thi
708	HCM.26.1.CM4761	Đặng Thị Huyền Trang	10/05/1984	Bắc Ninh	78	65	Không đạt	
709	HCM.26.1.CM4771	Lê Thị Thu Trang	28/09/1997	Lâm Đồng	00	00	Không đạt	Vắng thi
710	HCM.26.1.CM4773	Lê Thị Trang	05/04/1999	Thanh Hóa	00	00	Không đạt	Vắng thi
711	HCM.26.1.CM4782	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	13/10/1997	Thanh Hóa	73	65	Không đạt	
712	HCM.26.1.CM4784	Nguyễn Thị Thủy Trang	09/11/2001	Tây Ninh	75	60	Không đạt	
713	HCM.26.1.CM4792	Phạm Ngọc Thủy Trang	01/11/2002	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
714	HCM.26.1.CM4819	Nguyễn Thị Hồng Trang	24/05/1985	Tây Ninh	80	65	Không đạt	
715	HCM.26.1.CM4823	Nguyễn Thị Thu Trang	21/10/1987	Lâm Đồng	88	68	Không đạt	
716	HCM.26.1.CM4826	Nguyễn Trịnh Huyền Trang	13/10/1998	Gia Lai	83	65	Không đạt	
717	HCM.26.1.CM4831	Trần Thị Thủy Trang	19/03/1996	Tây Ninh	78	63	Không đạt	
718	HCM.26.1.CM4832	Trần Thu Trang	25/10/2000	Đắk Lắk	65	60	Không đạt	
719	HCM.26.1.CM4841	Nguyễn Thị Ngân Trâm	01/01/1997	An Giang	00	00	Không đạt	Vắng thi

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
720	HCM.26.1.CM4843	Châu Thị Quế Trâm	21/05/2000	Đồng Nai	93	63	Không đạt	
721	HCM.26.1.CM4849	Lại Đặng Ngọc Trâm	18/02/1996	TP. Hồ Chí Minh	88	00	Không đạt	
722	HCM.26.1.CM4860	Đặng Thị Bích Trâm	06/10/1994	Đồng Nai	78	68	Không đạt	
723	HCM.26.1.CM4867	Nguyễn Trần Ngọc Trâm	16/05/1972	TP. Hồ Chí Minh	90	65	Không đạt	
724	HCM.26.1.CM4869	Quách Thị Thanh Trâm	01/06/1978	Quảng Ngãi	70	63	Không đạt	
725	HCM.26.1.CM4889	Nguyễn Thanh Tri	06/07/1993	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
726	HCM.26.1.CM4890	Phan Đức Tri	20/12/1989	Nghệ An	85	68	Không đạt	
727	HCM.26.1.CM4905	Đoàn Nguyễn Xuân Trí	13/03/1992	TP. Hồ Chí Minh	98	45	Không đạt	
728	HCM.26.1.CM4910	Võ Cao Trí	10/12/1993	Gia Lai	70	53	Không đạt	
729	HCM.26.1.CM4937	Đinh Thị Trinh	03/11/1983	Gia Lai	70	45	Không đạt	
730	HCM.26.1.CM4945	Nguyễn Thị Mai Trinh	03/01/1993	Tây Ninh	80	55	Không đạt	
731	HCM.26.1.CM4955	Vũ Thị Tuyết Trinh	01/05/1996	Gia Lai	70	63	Không đạt	
732	HCM.26.1.CM4961	Lâm Tuyết Trinh	09/07/1989	Tây Ninh	85	68	Không đạt	
733	HCM.26.1.CM4989	Dương Quang Trọng	10/12/1993	TP. Hồ Chí Minh	78	68	Không đạt	
734	HCM.26.1.CM4992	Đặng Đức Trọng	21/04/2001	Khánh Hòa	88	68	Không đạt	
735	HCM.26.1.CM4993	Đỗ Văn Trọng	15/08/1986	Thanh Hóa	85	50	Không đạt	
736	HCM.26.1.CM5000	Hồ Trần Xuân Trúc	16/09/1996	Khánh Hòa	00	00	Không đạt	Vắng thi
737	HCM.26.1.CM5022	Đặng Quốc Trung	08/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
738	HCM.26.1.CM5029	Nguyễn Đình Trung	10/02/1993	Nghệ An	85	60	Không đạt	
739	HCM.26.1.CM5031	Nguyễn Quốc Trung	15/07/1985	TP. Hồ Chí Minh	88	55	Không đạt	
740	HCM.26.1.CM5032	Phạm Quang Trung	25/10/1997	Lâm Đồng	00	00	Không đạt	Vắng thi
741	HCM.26.1.CM5045	Phù Quốc Trung	20/04/1988	TP. Hồ Chí Minh	83	53	Không đạt	
742	HCM.26.1.CM5048	Trần Quốc Trung	08/10/1981	Vĩnh Long	75	63	Không đạt	
743	HCM.26.1.CM5056	Nguyễn Trung Trực	12/06/1979	Lâm Đồng	85	65	Không đạt	
744	HCM.26.1.CM5097	Nguyễn Hoài Tú	23/10/1984	TP. Hồ Chí Minh	88	68	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
745	HCM.26.1.CM5102	Phan Thị Cẩm Tú	21/01/1997	Đà Nẵng	00	00	Không đạt	Vắng thi
746	HCM.26.1.CM5103	Tiêu Đình Tú	14/09/1998	Lâm Đồng	00	00	Không đạt	Vắng thi
747	HCM.26.1.CM5112	Nguyễn Anh Tú	22/02/1995	Thanh Hóa	00	00	Không đạt	Vắng thi
748	HCM.26.1.CM5120	Đỗ Thị Thanh Tú	01/08/1998	TP. Hồ Chí Minh	98	63	Không đạt	
749	HCM.26.1.CM5123	Ngô Văn Tuấn	13/05/2005	Gia Lai	88	65	Không đạt	
750	HCM.26.1.CM5137	Nguyễn Ngọc Tuấn	20/07/1993	Quảng Trị	80	65	Không đạt	
751	HCM.26.1.CM5144	Đặng Minh Tuấn	01/01/1979	Đồng Tháp	85	55	Không đạt	
752	HCM.26.1.CM5154	Lê Văn Tuấn	18/03/1988	Hà Tĩnh	90	63	Không đạt	
753	HCM.26.1.CM5173	Trịnh Anh Tuấn	27/12/2000	Gia Lai	00	00	Không đạt	Vắng thi
754	HCM.26.1.CM5176	Hoàng Ngọc Anh Tuấn	22/06/1993	TP. Hồ Chí Minh	83	68	Không đạt	
755	HCM.26.1.CM5197	Võ Hoàng Tuấn	26/11/1994	Đồng Tháp	60	55	Không đạt	
756	HCM.26.1.CM5210	Lục Lâm Tùng	29/09/2004	Thái Nguyên	93	45	Không đạt	
757	HCM.26.1.CM5211	Ngô Quang Tùng	02/07/1988	Huế	00	00	Không đạt	Vắng thi
758	HCM.26.1.CM5218	Lê Ngọc Tùng	24/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
759	HCM.26.1.CM5220	Nguyễn Lâm Nhật Tùng	01/06/1996	TP. Hồ Chí Minh	85	65	Không đạt	
760	HCM.26.1.CM5222	Nguyễn Thanh Tùng	09/04/1995	Đồng Nai	73	60	Không đạt	
761	HCM.26.1.CM5225	Phạm Đình Tùng	18/07/1994	Hải Phòng	00	00	Không đạt	Vắng thi
762	HCM.26.1.CM5230	Trương Phương Tùng	30/08/1992	Tây Ninh	00	00	Không đạt	Vắng thi
763	HCM.26.1.CM5244	Trương Kim Tuyền	24/01/1998	Tây Ninh	85	65	Không đạt	
764	HCM.26.1.CM5245	Võ Thị Thanh Tuyền	20/10/2001	Tây Ninh	75	68	Không đạt	
765	HCM.26.1.CM5246	Nguyễn Lê Thanh Tuyền	19/12/2005	Đồng Tháp	75	58	Không đạt	
766	HCM.26.1.CM5254	Hà Thị Bích Tuyền	01/06/1996	Vĩnh Long	88	68	Không đạt	
767	HCM.26.1.CM5258	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	22/09/1994	Đồng Nai	80	63	Không đạt	
768	HCM.26.1.CM5264	Nguyễn Thị Kim Tuyền	03/10/1997	Ninh Bình	00	00	Không đạt	Vắng thi
769	HCM.26.1.CM5267	Trần Thị Kim Tuyền	06/01/1987	Đồng Nai	85	38	Không đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
770	HCM.26.1.CM5269	Bùi Thị Ngọc Tuyết	20/07/1982	TP. Hồ Chí Minh	63	88	Không đạt	
771	HCM.26.1.CM5273	Ngô Thị Tuyết	24/07/1992	Bắc Ninh	75	65	Không đạt	
772	HCM.26.1.CM5275	Nguyễn Thị Tuyết	25/05/1993	Thanh Hóa	00	00	Không đạt	Vắng thi
773	HCM.26.1.CM5278	Trần Thị Tuyết	16/10/1983	Đắk Lắk	70	65	Không đạt	
774	HCM.26.1.CM5281	Lương Thị Tuyết	20/10/1991	TP. Hồ Chí Minh	78	68	Không đạt	
775	HCM.26.1.CM5284	Nguyễn Văn Tư	15/08/1982	Hà Nội	63	33	Không đạt	
776	HCM.26.1.CM5314	Châu Thị Thu Uyên	27/10/1988	Đồng Tháp	00	00	Không đạt	Vắng thi
777	HCM.26.1.CM5318	Ngô Thị Nhã Uyên	16/04/2003	Lâm Đồng	78	68	Không đạt	
778	HCM.26.1.CM5320	Ứng Thị Nhật Uyên	03/06/1991	Đắk Lắk	73	48	Không đạt	
779	HCM.26.1.CM5323	Hồ Khánh Uyên	31/01/1995	Lâm Đồng	98	48	Không đạt	
780	HCM.26.1.CM5325	Lê Thị Tú Uyên	21/01/1995	TP. Hồ Chí Minh	80	65	Không đạt	
781	HCM.26.1.CM5327	Nguyễn Thị Lê Uyên	13/06/1993	An Giang	95	63	Không đạt	
782	HCM.26.1.CM5330	Phan Thị Thu Uyên	10/03/1999	Nghệ An	85	60	Không đạt	
783	HCM.26.1.CM5332	Trần Thị Tú Uyên	08/04/2002	Đồng Tháp	83	68	Không đạt	
784	HCM.26.1.CM5333	Võ Thị Lan Uyên	05/04/1993	Đà Nẵng	88	68	Không đạt	
785	HCM.26.1.CM5343	Lâm Thị Ngọc Vàng	01/01/1992	Cần Thơ	93	68	Không đạt	
786	HCM.26.1.CM5355	Nguyễn Thị Anh Vân	13/02/1983	Đồng Tháp	83	68	Không đạt	
787	HCM.26.1.CM5359	Hồ Thị Yến Vân	20/06/1992	Khánh Hòa	00	00	Không đạt	Vắng thi
788	HCM.26.1.CM5363	Huỳnh Thị Thủy Vân	18/03/1982	TP. Hồ Chí Minh	83	58	Không đạt	
789	HCM.26.1.CM5371	Nguyễn Thị Cẩm Vân	08/01/1978	Vĩnh Long	80	65	Không đạt	
790	HCM.26.1.CM5393	Nguyễn Thị Thủy Vân	12/03/1986	Gia Lai	63	70	Không đạt	
791	HCM.26.1.CM5394	Nguyễn Thị Vân	18/02/1994	Thanh Hóa	88	65	Không đạt	
792	HCM.26.1.CM5396	Vũ Thị Hồng Vân	24/03/1998	TP. Hồ Chí Minh	88	60	Không đạt	
793	HCM.26.1.CM5399	Trần Nguyễn Thúy Vi	23/09/1999	Đồng Tháp	00	00	Không đạt	Vắng thi
794	HCM.26.1.CM5400	Lưu Thị Tường Vi	07/12/1992	Gia Lai	00	00	Không đạt	Vắng thi

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
795	HCM.26.1.CM5420	Phạm Thị Tường Vi	21/11/1999	Đồng Tháp	90	68	Không đạt	
796	HCM.26.1.CM5427	Bùi Thế Lâm Viên	20/06/1995	Quảng Ngãi	00	00	Không đạt	Vắng thi
797	HCM.26.1.CM5434	Trần Hoàng Việt	12/04/2002	Vĩnh Long	00	00	Không đạt	Vắng thi
798	HCM.26.1.CM5438	Lê Hoàng Việt	20/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	78	65	Không đạt	
799	HCM.26.1.CM5441	Nguyễn Thị Việt	20/04/1990	Nghệ An	93	65	Không đạt	
800	HCM.26.1.CM5442	Trần Đình Việt	21/09/1998	Gia Lai	85	65	Không đạt	
801	HCM.26.1.CM5443	Lê Đình Việt	04/06/1992	Đà Nẵng	80	60	Không đạt	
802	HCM.26.1.CM5447	Phạm Quốc Việt	11/07/1997	Ninh Bình	80	63	Không đạt	
803	HCM.26.1.CM5449	Vũ Xuân Việt	23/03/1999	Ninh Bình	85	55	Không đạt	
804	HCM.26.1.CM5451	Lê Hoàng Vinh	07/09/1988	TP. Hồ Chí Minh	83	55	Không đạt	
805	HCM.26.1.CM5455	Đặng Mậu Thành Vinh	13/09/1980	Gia Lai	80	58	Không đạt	
806	HCM.26.1.CM5460	Bùi Quang Vinh	16/02/1990	TP. Hồ Chí Minh	68	65	Không đạt	
807	HCM.26.1.CM5461	Hồ Đình Vinh	08/10/1993	Nghệ An	70	58	Không đạt	
808	HCM.26.1.CM5466	Nguyễn Ngọc Vinh	05/12/1989	TP. Hồ Chí Minh	88	68	Không đạt	
809	HCM.26.1.CM5475	Đương Thế Vinh	20/10/1999	Tây Ninh	75	65	Không đạt	
810	HCM.26.1.CM5492	Lý Hoàng Thái Vũ	08/08/1998	TP. Hồ Chí Minh	78	58	Không đạt	
811	HCM.26.1.CM5496	Nguyễn Hoàng Vũ	26/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	78	65	Không đạt	
812	HCM.26.1.CM5500	Nguyễn Văn Vũ	20/09/1987	Thanh Hóa	83	68	Không đạt	
813	HCM.26.1.CM5511	Nguyễn Hoàng Vũ	25/10/1992	Vĩnh Long	00	00	Không đạt	Vắng thi
814	HCM.26.1.CM5521	Vũ Thị Vui	03/03/1988	Hưng Yên	78	68	Không đạt	
815	HCM.26.1.CM5531	Hồ Vương	01/02/1993	TP. Hồ Chí Minh	73	60	Không đạt	
816	HCM.26.1.CM5534	Đặng Minh Vương	12/03/1984	Gia Lai	00	00	Không đạt	Vắng thi
817	HCM.26.1.CM5535	Đỗ Đức Vương	27/07/1992	TP. Hồ Chí Minh	88	68	Không đạt	
818	HCM.26.1.CM5545	Nguyễn Thị Tuyết Vy	11/04/1992	Vĩnh Long	78	65	Không đạt	
819	HCM.26.1.CM5549	Hồ Khánh Vy	11/03/1998	Thanh Hóa	00	00	Không đạt	Vắng thi

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	KTCM	KTCS	Kết quả	Ghi chú
820	HCM.26.1.CM5562	Bùi Thanh Vy	08/01/1988	TP. Hồ Chí Minh	88	68	Không đạt	
821	HCM.26.1.CM5564	Đình Bảo Vy	07/12/2004	Lâm Đồng	90	68	Không đạt	
822	HCM.26.1.CM5565	Đỗ Tường Vy	30/08/1995	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
823	HCM.26.1.CM5568	Lê Thị Diệp Vy	02/02/1992	Quảng Ngãi	73	68	Không đạt	
824	HCM.26.1.CM5569	Lưu Thị Thuý Vy	23/02/2002	TP. Hồ Chí Minh	90	68	Không đạt	
825	HCM.26.1.CM5573	Phạm Thảo Vy	11/06/2004	Đồng Nai	00	00	Không đạt	Vắng thi
826	HCM.26.1.CM5579	Trần Xái	12/11/1980	An Giang	00	00	Không đạt	Vắng thi
827	HCM.26.1.CM5585	Lê Thị Xoan	20/04/1978	Nghệ An	83	60	Không đạt	
828	HCM.26.1.CM5618	Lê Thị Huỳnh Ý	06/08/2004	Đồng Tháp	98	65	Không đạt	
829	HCM.26.1.CM5621	Trần Thị Minh Ý	03/05/2000	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
830	HCM.26.1.CM5627	Đình Thị Yên	16/06/1987	Khánh Hòa	88	68	Không đạt	
831	HCM.26.1.CM5629	Quách Thị Yên	20/04/1989	Cà Mau	83	43	Không đạt	
832	HCM.26.1.CM5633	Nguyễn Hải Yên	24/06/1987	Khánh Hòa	00	00	Không đạt	Vắng thi
833	HCM.26.1.CM5637	Chu Thị Hải Yên	15/05/2003	Đồng Tháp	83	65	Không đạt	
834	HCM.26.1.CM5643	Ngô Hồng Hải Yên	11/11/1997	TP. Hồ Chí Minh	00	00	Không đạt	Vắng thi
835	HCM.26.1.CM5647	Trần Thị Hải Yên	30/01/1986	Hải Phòng	00	00	Không đạt	Vắng thi
836	HCM.26.1.CM5650	Hà Thị Hải Yên	01/06/1979	Thanh Hóa	80	63	Không đạt	
837	HCM.26.1.CM5652	Mạnh Thị Hoàng Yên	12/11/1990	Đồng Nai	95	63	Không đạt	
838	HCM.26.1.CM5655	Nguyễn Việt Yên	07/07/1998	Quảng Ngãi	98	63	Không đạt	
839	HCM.26.1.CM5661	Dương Như Ý	18/04/1994	Cần Thơ	93	68	Không đạt	